

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0703000386 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Nam Định cấp lần đầu ngày 03/06/2004, đăng ký thay đổi lần 17 số 0600333307 ngày 18/07/2018)



SONG HONG

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số:/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngàythángnăm 2018)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG

Địa chỉ : Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Thống Nhất, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Điện thoại : 02283 649365

Fax: 02283 646737

Website : <http://songhong.vn/>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 306 Bà Triệu, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : (024) 3556 2875

Fax: (024) 39741760

Website : www.vietinbanksc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Bùi Việt Quang

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 02283 649365

Fax: 02283 646737

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0703000386 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Nam Định cấp lần đầu ngày 03/06/2004, đăng ký thay đổi lần 17 số 0600333307 ngày 18/07/2018)

Địa chỉ: Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Thống Nhất, TP. Nam Định, Nam Định
Điện thoại: 02283 649365 **Fax:** 02283 646737
Website: <http://songhong.vn/>



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần May Sông Hồng
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu: MSH
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết: 47.628.000 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 476.280.000.000 VNĐ

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

• **CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)**

Địa chỉ: Tầng 18, Tháp Quốc tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024 3850 1686 **Website:** grantthornton.com.vn

• **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Địa chỉ: Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 đường Lê Văn Lương, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024 3577 0781
Website: vaco.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

• **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 306 Bà Triệu, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3556 2875 **Fax:** (024) 39741760
Website: cts.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp	6
3. Rủi ro đặc thù	9
4. Rủi ro khác.....	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	11
1. Tổ chức niêm yết.....	11
2. Tổ chức tư vấn	11
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	14
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty.....	23
3. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ, số CMND, số ĐKKD (nếu có)) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ)	29
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của CTCP Máy Sông Hồng, những công ty mà CTCP Máy Sông Hồng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Máy Sông Hồng.....	30
5. Hoạt động kinh doanh	30
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	50
7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	52
8. Chính sách đối với người lao động	59
9. Chính sách cổ tức.....	61
10. Tình hình hoạt động tài chính	62
11. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	71
12. Tài sản	83
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	86
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	89
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	89
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	90
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	90
1. Loại chứng khoán	90
2. Mệnh giá.....	90

3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	90
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết.....	90
5. Xếp hạng tín nhiệm.....	91
6. Phương pháp tính giá.....	92
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	96
8. Các loại thuế có liên quan.....	97
8.1. Thuế liên quan tới hoạt động của Công ty.....	97
8.2. Thuế liên quan tới nhà đầu tư, cổ đông.....	97
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	99
1. Tổ chức tư vấn.....	99
2. Tổ chức kiểm toán.....	99
VII. PHỤ LỤC.....	99
1. Phụ lục I.....	99
2. Phụ lục II.....	99
3. Phụ lục III.....	99
4. Phụ lục IV.....	99
5. Các phụ lục khác.....	99

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty	14
Bảng 2. Bảng tổng hợp quá trình tăng vốn Điều lệ Công ty.....	17
Bảng 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tính đến thời điểm 1/10/2018	29
Bảng 4. Danh sách cổ đông tính đến thời điểm 1/10/2018.....	30
Bảng 5. Sản lượng sản xuất một số sản phẩm chính của Công ty	36
Bảng 6. Sản lượng tiêu thụ một số sản phẩm chính của Công ty.....	36
Bảng 7. Cơ cấu doanh thu thuần theo mảng sản xuất	37
Bảng 8. Cơ cấu lợi nhuận gộp.....	38
Bảng 9. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, tỷ lệ từng loại chi phí trên doanh thu	40
Bảng 10. Danh sách các hợp đồng bán hàng đã thực hiện và ký kết năm 2017	48
Bảng 11. Danh sách các hợp đồng đã ký và đang thực hiện năm 2018	49
Bảng 12. Các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2016 và 2017.....	50
Bảng 13. Số lượng lao động của Công ty	60
Bảng 14. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2015, 2016 và 2017.....	62
Bảng 15. Số dư thuế và các khoản phải nộp nhà nước.....	63
Bảng 16. Trích lập quỹ của Công ty.....	64
Bảng 17. Danh sách đầu tư tài chính của Công ty	64
Bảng 18. Danh sách tổng dư nợ vay.....	65
Bảng 19. Danh sách dư nợ vay chi tiết theo đối tượng	65
Bảng 20. Danh sách các khoản phải thu	66
Bảng 21. Danh sách chi tiết khoản phải thu	67
Bảng 22. Danh sách các khoản phải trả.....	68
Bảng 23. Danh sách chi tiết khoản phải trả có số dư lớn	69
Bảng 24. Danh sách các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	70
Bảng 25. Danh sách hội đồng quản trị	71
Bảng 26. Ban Tổng giám đốc	76
Bảng 27. Danh sách Ban kiểm soát.....	77
Bảng 28. Tình hình tài sản cố định.....	83
Bảng 29. Tình hình hàng tồn kho.....	84
Bảng 30. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.....	85
Bảng 31. Tình hình sử dụng đất đai của Công ty.....	85
Bảng 32. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 – 2019.....	87
Bảng 33. Danh sách hạn chế chuyển nhượng chi tiết.....	91

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Năm 2017 được đánh giá là một năm kinh tế tích cực so với tình hình chính trị trên thế giới. Các hoạt động kinh tế đều ghi nhận sự khả quan hơn so với dự báo từ các nước phát triển cho đến mới nổi. Tăng trưởng kinh tế là yếu tố ảnh hưởng lớn đến nhu cầu hàng may mặc, bị chi phối vào thu nhập của người tiêu dùng. Trong năm 2017, kinh tế thế giới phục hồi tốt, chỉ số tăng trưởng đạt 3,6% tăng 0,5% so với 2016. Ngoài những nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Châu Âu, Nhật Bản và những nền kinh tế được xem như có tốc độ tăng trưởng thấp cũng đã bứt phá và trở thành động lực thúc đẩy kinh tế thế giới khởi sắc.

Kinh tế thế giới đã duy trì đà tăng trưởng tốt trong nửa đầu năm 2018, sau đó đã xuất hiện những diễn biến mới khiến tình hình trở nên phức tạp hơn, mối quan hệ căng thẳng giữa các nước lớn, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đang có dấu hiệu leo thang, ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) ngày 09/10/2018 đưa ra báo cáo tốc độ của nền kinh tế thế giới có chiều hướng chững lại, đồng thời hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu lần đầu tiên trong hơn 2 năm. Lý do mà IMF đưa ra cho động thái này là căng thẳng thương mại leo thang và sức ép đối với các thị trường mới nổi.

Cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc khiến quá trình lưu thông hàng hóa, tiền tệ trên thế giới có sự chuyển dịch. Các đơn hàng về gia công xuất khẩu có xu hướng dịch chuyển về các nước khu vực Đông Nam Á như Việt Nam, Myanmar, Campuchia..., nơi sở hữu nguồn lao động giá rẻ, các chính sách mở rộng thương mại và chấp nhận vấn đề về môi trường để thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế. Thế nhưng, xét khía cạnh toàn diện bất kể cuộc chiến tranh thương mại nào cũng sẽ làm tổn thương nền kinh tế của các bên tham gia. Trong khi đó, nền kinh tế Việt Nam đang có độ mở lớn và Mỹ - Trung Quốc là hai đối tác quan trọng nên tình hình kinh tế thế giới hiện nay tiềm ẩn nhiều rủi ro cho Việt Nam.

Đối với trong nước, năm 2017, nền kinh tế phản ánh kết quả tốt trong các ngành xuất khẩu, nhu cầu trong nước đang từng bước phục hồi. Tăng trưởng kinh tế đạt mức ấn tượng 6,81% trong cả năm 2017.

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tính đến cuối năm 2017 đã tăng 2,6% và CPI bình quân cả năm 2017 cũng tăng 3,53%. Về cơ bản, CPI bình quân năm 2017 chịu tác động chủ yếu bởi lộ trình chính giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC. Việc điều chỉnh giá nhóm này đã hoàn tất, làm CPI bình quân 2017 tăng 2,04%. Tính chung quý III/2018, CPI tăng 0,72% so với quý trước và tăng 4,14% so với quý III/2017. CPI bình quân 9 tháng/2018 tăng 3,57% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. Lạm phát cơ bản tháng 9/2018 tăng 0,14% so với tháng trước và tăng 1,61% so với

cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 9T/2018 tăng 1,41% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. Để thực hiện kiểm soát lạm phát dưới 4%, chính phủ thực hiện hoãn tăng giá điện và giá dịch vụ y tế, thế nhưng điều này tạo nên áp lực lạm phát cho năm 2019.

Năm 2018 sắp đi qua, tổng sản phẩm trong nước (GDP) Quý III/2018 ước tính tăng 6,88% so với cùng kỳ năm trước, tuy thấp hơn mức tăng 7,45% của quý I nhưng cao hơn mức tăng 6,73% của quý II, cho thấy nền kinh tế vẫn giữ được đà tăng trưởng. Tính chung giai đoạn 9 tháng năm 2018 (9T/2018), GDP ước tính tăng 6,98% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng cao nhất của 9 tháng kể từ năm 2011 trở về đây. Đứng trước các rủi ro về tình hình kinh tế - chính trị thế giới, tình hình nợ công Việt Nam cao, áp lực lạm phát, trong những năm tiếp theo tình hình kinh tế Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng đến các doanh nghiệp nói chung và May Sông Hồng nói riêng.

Đối với bản thân Công ty cổ phần Dệt May Sông Hồng, hiện nay Việt Nam đã qua thời kỳ “Cơ cấu dân số vàng”, sự dịch chuyển của ngành dệt may về các quốc gia có chi phí lao động trẻ, cạnh tranh lao động với các lĩnh vực khác, đặt ra thách thức rất lớn cho doanh nghiệp. Xu thế tình hình kinh tế thế giới hiện nay, trong ngắn hạn tạo ra thuận lợi, gia tăng các đơn hàng cho doanh nghiệp. Thế nhưng, sự bất ổn hiện nay mang đến rủi ro rất lớn cho bản thân công ty trong tương lai.

Do đó, Công ty cổ phần May Sông Hồng phải hiểu rõ thách thức mà nền kinh tế đặt ra, chuyển hóa những thách thức nêu trên thành cơ hội để phát triển ổn định, bền vững. Ngoài việc, đầu tư máy móc, thiết bị, tăng cường hiệu quả công tác quản lý, công ty tập trung nắm vững xu hướng chuyển dịch của ngành dệt may toàn cầu, am hiểu về các hiệp định thương mại tự do để tận dụng cơ hội một cách hiệu quả nhất.

Rủi ro lãi suất

Năm 2017, Nhà nước đặt kế hoạch điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ với cách thức và thời gian hợp lý, phù hợp với diễn biến thị trường; phấn đấu ổn định mặt bằng lãi suất, khi điều kiện cho phép sẽ giảm lãi suất cho vay đối với một số đối tượng và kỳ hạn cụ thể. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn có thể gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn. Tín dụng cho nền kinh tế 9 tháng đầu năm tăng 11,02% so với cuối năm 2016, là mức tăng cao so với các năm gần đây. Tín dụng tiếp tục đà tăng trưởng tốt thể hiện xu hướng phát triển tích cực và khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế.

Mặt bằng lãi suất vẫn được giữ ổn định. Một số ngân hàng đã có động thái tăng lãi suất huy động nhưng mức độ tăng nhỏ, không thể hiện xu hướng tăng của thị trường. Hiện lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 4,5-7,2%; lãi suất cho vay khoảng 6-11%.

Tính đến ngày 30/09/2018, tỷ lệ nợ vay chiếm 28,41 % tổng tài sản của May Sông Hồng, việc vay chủ yếu bằng đồng USD trong bối cảnh FED đang liên tục tăng lãi suất làm tăng gánh nặng lãi vay của doanh nghiệp. May Sông Hồng sử dụng đồng USD để tài trợ các khoản vay giúp

Công ty tận dụng được chi phí vay giá rẻ, và tận dụng nguồn thu ngoại tệ để trả nợ. Thế nhưng, nếu nguồn thu ngoại tệ bị ảnh hưởng sẽ làm gia tăng chi phí sử dụng nợ vay của Công ty lên rất nhiều. Hiện nay dư nợ vay tài chính bình quân của Công ty nằm trong khoảng trên 700 tỷ tới dưới 950 tỷ VNĐ, trong trường hợp lãi suất cho vay (bằng VNĐ và cả USD) tăng thêm 1%/năm thì May Sông Hồng sẽ chịu thêm khoản chi phí tài chính tối đa từ 7 tỷ tới 9,5 tỷ VNĐ/năm.

Nhằm giảm thiểu tác động từ rủi ro lãi suất, Công ty giao nhiệm vụ cho Giám đốc tài chính và Phòng Kế toán thường xuyên theo dõi tình hình biến động của tỷ giá, lãi suất, cân đối nguồn thu ngoại tệ và tỷ lệ vay nợ ngoại tệ, từ đó đưa ra kế hoạch vay nợ hợp lý đảm bảo nhu cầu vốn hoạt động sản xuất và kiểm soát rủi ro về lãi suất cách tốt nhất.

Rủi ro tỷ giá

Về diễn biến tỷ giá trong năm 2018, Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia dự đoán tỷ giá sẽ tiếp tục ổn định nhờ có nhiều yếu tố hỗ trợ như: cán cân thương mại có khả năng tiếp tục thặng dư do kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu tại các nước mới nổi và đang phát triển tiếp tục xu thế tăng, dòng vốn nước ngoài vẫn có xu hướng tích cực chảy vào các khu vực kinh tế mới nổi.

Thực tế cho thấy, sau 5 tháng đầu năm 2018 ổn định trên cả thị trường chính thức và thị trường tự do, thì sang đến tháng 6/2018, tỷ giá USD/VND có xu hướng tăng do USD lên giá sau khi FED liên tục điều chỉnh tăng lãi suất đồng USD. Tỷ giá trung tâm VND/USD ngày 22/10/2018 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 22.717 VNĐ/USD. Từ đầu năm đến nay, tỷ giá USD/VND đã tăng khoảng 1,3% (so với tỷ giá trung tâm ngày 29/12/2017 là 22.425 VNĐ/USD).

Tại BIDV – ngân hàng mà Công ty có lượng giao dịch ngoại tệ lớn, giá USD được ngân hàng niêm yết ngày 29/12/2017 ở mức 22.675 - 22.745 VNĐ/USD (mua vào - bán ra) và 22/10/2018 ở mức 23.300 - 23.390 VNĐ/USD. Như vậy, hiện tại tỷ giá NHTM đã tăng khoảng 2,8% so với đầu năm 2018.

Đối với ngành may mặc, phần lớn nguyên liệu đầu vào nhập khẩu từ Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc... Với tình hình biến động tỷ giá hiện nay, việc đồng Nhân dân tệ mất giá nhiều hơn so với Việt Nam đồng. Trong khi đó, mặc hàng may mặc Việt Nam lại chủ yếu xuất khẩu sang Mỹ và Châu Âu, điều này tạo lợi thế kép cho các doanh nghiệp Việt Nam thời gian gần đây.

Bên cạnh đó, May Sông Hồng vay nợ chủ yếu bằng đồng USD và đặc điểm ngành nghề chịu tác động rất lớn từ tỷ giá, nên sự ổn định tỷ giá đóng góp rất lớn đến sự phát triển ổn định của May Sông Hồng. Hiện nay nhằm giảm thiểu rủi ro tỷ giá, Công ty quản lý bằng cách duy trì hợp lý lượng ngoại tệ và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được tỷ giá có lợi cho Công ty từ các ngân hàng thương mại có năng lực.

Tính tới 30/9/2018, Tài sản tài chính (29,89 triệu USD – bao gồm Tiền USD gửi ngân hàng, các khoản phải thu bằng USD) và Nợ tài chính (30,97 triệu USD – bao gồm Phải trả nhà cung cấp và vay ngân hàng bằng USD) của Công ty ở mức tương đương nhau vì vậy trong trường hợp tỷ giá tăng thêm 100 VND/USD không ảnh hưởng nhiều tới kết quả của Công ty khi đánh giá chênh lệch tỷ giá ngoại tệ (khoảng 108,8 triệu VND).

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan; bên cạnh đó, Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, điều đó yêu cầu Công ty cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này.

Ngoài ra, ngành dệt may chịu sự điều chỉnh nghiêm ngặt bởi các quy định về bảo vệ môi trường: các quy chuẩn về nước thải công nghiệp, nước thải dệt may, hay vấn đề sử dụng lao động. Đặc biệt, trong năm 2014, Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến 2020, tầm nhìn đến 2030, theo đó, việc phát triển ngành dệt may phải gắn liền với việc lựa chọn công nghệ phù hợp, đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời hạn chế tác động, gây ô nhiễm môi trường. Như vậy, xu hướng sự điều chỉnh, giám sát của hệ thống pháp lý Việt Nam đang dần trở nên khắt khe, chặt chẽ hơn. Công ty cũng phải chú ý hơn trong việc đáp ứng các đòi hỏi mà khung pháp lý đưa ra.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro cạnh tranh và rủi ro thị trường

Biến động của thị trường thế giới có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo báo cáo của Hiệp hội May mặc Việt Nam, năm 2017, xuất khẩu sang Mỹ đạt 12,53 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm 2016; thị trường EU ước đạt 3,7 tỷ USD, tăng 5,4%; thị trường Nhật Bản đạt 3,05 tỷ USD, tăng 5,2%. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam EU (EVFTA) đã được ký kết. Khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực sẽ tác động tích cực cho cả Việt Nam và EU, trong đó nổi bật hơn cả là tác động về kinh tế mà cụ thể ở đây là lĩnh vực xuất khẩu. Bên cạnh những thuận lợi khi gia nhập vào thị trường Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản... doanh nghiệp xuất khẩu vẫn phải chịu một số rủi ro từ cơ chế giám sát, các rào cản kỹ thuật... Mặt khác, với xu hướng bảo hộ nền kinh tế của Tổng thống Mỹ sẽ tác động không nhỏ tới việc phát triển thị trường này của các doanh nghiệp may mặc Việt Nam.

Công ty cổ phần May Sông Hồng cũng như các doanh nghiệp may mặc Việt Nam nói chung đang chịu sự cạnh tranh rất gay gắt từ các đối thủ cũng hoạt động trong lĩnh vực may xuất khẩu từ Ấn Độ, Indonesia, Bangladesh, Campuchia, Myanmar... có lợi thế về chi phí nhân công rẻ và được hưởng ưu đãi về thuế quan. Không chỉ từ phía nước ngoài, ngay cả các doanh nghiệp xuất khẩu hàng may mặc trong nước với thương hiệu lâu năm cũng là những đối thủ của nhau.

Áp lực cạnh tranh đòi hỏi Công ty phải đảm bảo chất lượng, giá thành và tiến độ thực hiện hợp đồng.

Rủi ro nguồn nhân lực

Ngành dệt may cần nguồn lao động rất lớn, đặc biệt là khâu sản xuất hàng may mặc. Công ty cổ phần May Sông hồng chủ yếu xuất khẩu vào các thị trường đòi hỏi phải đáp ứng nhiều yêu cầu khắt khe nên chất lượng nhân cao đóng vai trò rất quan trọng. Công ty cũng thường xuyên đối mặt với không ít khó khăn khi nhân công có thể bị thu hút bởi các công ty đối thủ hoặc các doanh nghiệp dệt may có vốn đầu tư nước ngoài đang vào thị trường Việt Nam. Để đảm bảo nguồn cung cấp lao động, công ty đã nâng cao chính sách đãi ngộ, lương, phúc lợi. Ngoài ra thì đại bộ phận lao động đều đã làm việc lâu năm trong công ty nên rủi ro biến động là thấp. Đồng thời, để tăng cường đội ngũ công nhân viên, công ty đã thực hiện các chương trình tập sự tuyển dụng lao động có thành tích tốt từ các trường, nhằm đào tạo và phát triển để trở thành nguồn nhân lực dài hạn của công ty.

Rủi ro tăng vốn nhanh

Từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần đến nay vốn điều lệ của Công ty từ 6 tỷ đồng đã tăng lên 476,28 tỷ đồng. Trong đó, các đợt tăng vốn có thu tiền đều xuất phát từ nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh như: xây dựng các khu vực sản xuất mới, bổ sung vốn lưu động. Còn lại hầu hết các đợt tăng vốn mạnh là trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Mặc dù chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu lớn hơn so với chi phí sử dụng nợ vay, nhưng để đảm bảo cấu trúc vốn mục tiêu của Công ty và hạn chế rủi ro kiệt quệ tài chính. Công ty chủ động tăng vốn phù hợp từng giai đoạn phát triển, đảm bảo đem lại lợi ích lâu dài cho cổ đông.

Tuy nhiên việc tăng vốn nhanh sẽ gây áp lực đối với việc quản trị Công ty, đồng vốn huy động từ cổ đông phải sử dụng đạt hiệu quả tối ưu. Bên cạnh đó, việc tăng vốn sử dụng mở rộng sản xuất kinh doanh dẫn đến quy mô nhà máy, cán bộ công nhân của May Sông Hồng không ngừng tăng. Do đó, Công ty còn phải tăng cường công tác quản trị tương ứng với tăng về quy mô, quan tâm hơn về các vấn đề xã hội, về người lao động, khách hàng ... đảm bảo lợi ích hài hòa giữa các bên.

4. Rủi ro khác

Rủi ro bất khả kháng

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty tham gia mua bảo hiểm cho tài sản và các kho hàng hóa, nguyên vật liệu.

Hỏa hoạn là rủi ro nguy hiểm với mọi doanh nghiệp song với công ty may mặc, nguyên vật liệu, thành phẩm đều là vật liệu dễ bắt lửa. Do vậy, công tác phòng chống cháy nổ luôn được

Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu. Từng nhà xưởng, phòng ban của Công ty được trang bị đầy đủ các thiết bị chữa cháy, mọi người lao động đều được trang bị kiến thức, kỹ năng chữa cháy, kỹ năng thoát hiểm. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên phối hợp với các đơn vị chức năng trong việc tổ chức diễn tập PCCC, góp phần nâng cao kiến thức cho người lao động khi tình huống xấu xảy ra.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông: Bùi Đức Thịnh	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Người đại diện theo pháp luật
Ông: Bùi Việt Quang	Chức vụ: Thành viên HĐQT - Tổng Giám Đốc
Ông: Lê Văn Quang	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà: Nguyễn Thị Hạnh	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông Chu Mạnh Hiền Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Ủy quyền số 05/UQ-CKCT ngày 20/4/2018 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty/MSH	Công ty cổ phần May Sông Hồng
Tổ chức đăng ký NY	Công ty cổ phần May Sông Hồng
UBCKNN	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
HOSE/HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
CTCP	Công ty cổ phần
BCB	Bản cáo bạch
BCTC	Báo cáo tài chính
ISO	Tiêu chuẩn quốc tế
Logo	Biểu tượng
ĐHCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BKS	Ban kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
TGD	Tổng Giám đốc
PTGD	Phó Tổng Giám đốc
VĐL	Vốn điều lệ
LNST	Lợi nhuận sau thuế
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
DTT	Doanh thu thuần
CP	Cổ phiếu, cổ phần
VNĐ	Việt Nam đồng
Thuế GTGT	Thuế Giá trị gia tăng
WRAP	Chứng chỉ quốc tế về tuân thủ trách nhiệm với xã hội của các công ty may mặc. WRAP là một tổ chức phi lợi nhuận, độc lập của các chuyên gia tuân thủ trách nhiệm xã hội toàn cầu với mục đích hoạt động thúc đẩy sản xuất an toàn, hợp pháp, nhân đạo và đạo đức trên toàn thế giới thông qua hoạt động chứng nhận và giáo dục.
CMT	Là phương thức xuất khẩu mà các khách mua, các đại lý mua hàng và các tổ chức mua hàng cung cấp cho doanh nghiệp gia

công toàn bộ đầu vào để sản xuất sản phẩm bao gồm mẫu thiết kế, nguyên liệu, vận chuyển, các nhà sản xuất chỉ thực hiện việc cắt, may và hoàn thiện sản phẩm. Doanh nghiệp thực hiện xuất khẩu theo CM chỉ cần có khả năng sản xuất và một chút khả năng thiết kế để thực hiện mẫu sản phẩm.

FOB (OEM)

(Free on Board hay Original Equipment Manufacturing): FOB là một phương thức xuất khẩu ở bậc cao hơn so với CMT. FOB trong ngành may mặc được hiểu là một hình thức sản xuất theo kiểu “mua đứt – bán đoạn”. Theo phương thức FOB, các doanh nghiệp thực hiện sẽ tham gia thêm vào cả khâu “Tìm nguồn cung ứng đầu vào” với việc tự đi tìm kiếm nhà cung cấp nguyên liệu hoặc nhập nguyên liệu từ một đơn vị được đối tác chỉ định (FOB chỉ định).

ODM

(Original Design Manufacturing) theo phương thức ODM, các doanh nghiệp sẽ tham gia không chỉ vào quá trình tìm nguồn cung ứng đầu vào và thực hiện cắt may, mà đồng thời sẽ kiêm luôn cả thiết kế. Các doanh nghiệp sẽ tạo ra những mẫu thiết kế và bán lại cho người mua, sau đó nhà sản xuất theo phương thức ODM sẽ không được phép tự sản xuất các bộ thiết kế tương tự nếu không được người mua ủy quyền.


OBM

(Original Brand Manufacturing): Đây là phương thức mà các doanh nghiệp chịu trách nhiệm tự thiết kế sản phẩm mang thương hiệu của chính mình, nhập khẩu nguyên vật liệu, cắt may, và vận chuyển. Đối với đơn hàng OBM, các doanh nghiệp được hưởng tỷ suất lợi nhuận cao hơn so với tất cả các hình thức xuất khẩu khác nhưng rủi ro cũng cao nhất so với các hình thức trên.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên Doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG
 - Tên tiếng Anh : Song Hong Garment Joint Stock Company
 - Tên viết tắt : SH. GARNY
 - Mã chứng khoán : MSH
 - Logo :
- 
- Vốn điều lệ : 476.280.000.000 VNĐ
 - Trụ sở chính : Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, P. Thống Nhất, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định
 - Số điện thoại : 02283 649365
 - Số fax : 02283 646737
 - Website : <http://songhong.vn/>
 - GCN đăng ký doanh nghiệp : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600333307 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 03/06/2004, đăng ký thay đổi lần 17 ngày 18/07/2018
 - Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất hàng may sẵn phục vụ dân sinh chính
 - Đăng ký công ty đại chúng : Công ty trở thành công ty đại chúng năm 2008

Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) Chi tiết: Sản xuất hàng may sẵn phục vụ dân sinh.	1322 (Chính)
2	Hoàn thiện sản phẩm dệt Chi tiết: In lụa trang phục và sản phẩm dệt;	1313
3	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
4	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
5	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
6	In ấn	1811

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
7	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
8	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
9	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp phục vụ dân sinh.	4649
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng máy khác phục vụ cho ngành công nghiệp dệt may	4659
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
12	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động của trạm y tế công ty (Khám chữa bệnh cho cán bộ công nhân viên trong công ty).	8699
13	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (không bao gồm môi giới, đấu giá sàn giao dịch bất động sản)	6810

1.2 Quá trình hình thành, phát triển

Những cột mốc phát triển quan trọng	
1988	<ul style="list-style-type: none"> Công ty Cổ phần May Sông Hồng thành lập năm 1988 với tên gọi Xí nghiệp May 1/7, trực thuộc Nhà nước với khoảng hơn 100 công nhân.
1993	<ul style="list-style-type: none"> Xí nghiệp May 1/7 được đổi tên thành Công ty May Sông Hồng.
1997	<ul style="list-style-type: none"> Xí nghiệp Bông tái sinh được sáp nhập vào Công ty May Sông Hồng, sau này trở thành khu vực Sông Hồng II. Giai đoạn này toàn Công ty có 3 xưởng may với 1.000 người lao động.
2001	<ul style="list-style-type: none"> Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ 105 Nguyễn Đức Thuận, TP. Nam Định, phát triển thành 3 xưởng may với 1.500 công nhân. Đây cũng là năm mà Thương hiệu Chăn Ga Gối Đệm mang tên Sông Hồng ra đời.
2004	<ul style="list-style-type: none"> Công ty được cổ phần hóa, chính thức trở thành Công ty Cổ phần May Sông Hồng với số vốn điều lệ 12 tỷ đồng.
2004	<ul style="list-style-type: none"> Công ty đầu tư phát triển Khu vực Sông Hồng III tại Quốc lộ 10, TP. Nam Định, toàn công ty lên tới 3.600 người lao động với 6 xưởng may, 1 xưởng giặt, 1 xưởng chăn ga gối, 1 xưởng bông và chân bông.

Những cột mốc phát triển quan trọng

2006	<ul style="list-style-type: none"> Công ty thành lập Văn phòng đại diện đặt tại Hồng Kông. Văn phòng có trách nhiệm tìm đơn hàng, quảng bá thương hiệu May Sông Hồng tới các đối tác nước ngoài cũng như phụ trách tìm nguồn cung cấp nguyên phụ liệu.
2007	<ul style="list-style-type: none"> Phát triển thêm khu vực Sông Hồng IV tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định với quy mô 4 xưởng may, nâng tổng số lao động toàn Công ty lên 6.000 người.
2012	<ul style="list-style-type: none"> Công ty tiếp tục triển khai dự án xây dựng khu vực Sông Hồng VII tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định với quy mô 4 xưởng may và Khu vực Sông Hồng VIII tại Khu công nghiệp Mỹ Trung để di chuyển khu vực sản xuất chăn ga gối ra khỏi nội thành.
2013	<ul style="list-style-type: none"> Kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty. Thành lập Xưởng may 14 tại Hải Hậu. Tháng 8/2013: Di chuyển khu vực sản xuất chăn ga gối sang KCN Mỹ Trung – Nam Định.
2015	<ul style="list-style-type: none"> Công ty khởi công dự án nhà máy tại Nghĩa Hưng.
2016	<ul style="list-style-type: none"> Khu vực sản xuất Nghĩa Hưng đi vào hoạt động. Mở thêm 4 xưởng may tại Khu vực này, tổng số CBCNV lên gần 11.000 người với 18 xưởng may. Cũng trong năm 2016, Nhân kỷ niệm 15 năm ra mắt thương hiệu chăn ga gối đệm Sông Hồng. Công ty đã thực hiện ra mắt đệm bông tinh khiết thế hệ 2. Dòng sản phẩm có nhiều ưu điểm như chất lượng bông tinh khiết, thông thoáng, không bị xẹp, trọng lượng nhẹ, dễ vận chuyển, hình thức sang trọng, chi phí hợp lý. Đây là sản phẩm được Sông Hồng giới thiệu nhân hội nghị 15 năm phát triển nhãn hàng với chủ đề: "Hành trình 15 năm, trọn nghĩa tình 60 mùa yêu thương - rạng rỡ thương hiệu Chăn bông đệm Sông Hồng".
2018	<ul style="list-style-type: none"> Tròn 30 năm hình thành và phát triển, hiện Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600333307 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Nam Định cấp lần đầu ngày 03/06/2004, đăng ký thay đổi lần 17 ngày 18/07/2018 với số vốn điều lệ đã lên tới 476.280.000.000 VNĐ.

1.3 Quá trình tăng vốn

Bảng 2. Bảng tổng hợp quá trình tăng vốn Điều lệ Công ty

Thời điểm	Số cổ phần phát hành thêm	VDL sau khi phát hành (VND)	Phương thức tăng vốn
Năm 2004		12.000.000.000	Vốn ban đầu sau khi cổ phần hóa
Lần 1: Tháng 12/2007	600.000	18.000.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
Lần 2: tháng 12/2009	1.800.000	36.000.000.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức
Lần 3: Tháng 5/2011	1.800.000	54.000.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Lần 4: Tháng 12/2014	5.400.000	108.000.000.000	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu
Lần 5: Tháng 8/2015	5.400.000	113.400.000.000	Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động
Lần 6: Tháng 8/2015	11.340.000	226.800.000.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
Lần 7: Tháng 8/2017	1.134.000	238.140.000.000	Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động
Lần 8: Tháng 6/2018	23.814.000	476.280.000.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ vốn chủ sở hữu

Chi tiết quá trình tăng vốn:

- **Tăng vốn đợt 1 - Tháng 12/2007: tăng từ 12.000.000.000 đồng lên 18.000.000.000 đồng**
 - Vốn điều lệ trước phát hành : 12.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành : 18.000.000.000 đồng
 - Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 600.000 cổ phiếu
 - Phương thức phát hành : chào bán cổ phần riêng lẻ
 - Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu : Đại hội đồng cổ đông Công ty, Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Nam Định.
 - + NQ số 2007/QĐ-ĐHCĐ của ĐHCĐ bất thường ngày 20/10/2007.
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 15/08/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.
- **Tăng vốn đợt 2 - Tháng 12/2009: tăng từ 18.000.000.000 đồng lên 36.000.000.000 đồng**
 - Vốn điều lệ trước phát hành : 18.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành : 36.000.000.000 đồng

- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 1.800.000 cổ phiếu
- Phương thức phát hành : Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2009
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu : Đại hội đồng cổ đông Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước.
+ NQ số 2009/QĐ-ĐHCD của ĐHCĐ bất thường ngày 19/12/2009.
+ Thông báo chấp thuận của UBCKNN trên website ssc.gov.vn ngày 30/12/2009.
+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 06/04/2010.
- **Tăng vốn đợt 3 - Tháng 5/2011: tăng từ 36.000.000.000 đồng lên 54.000.000.000 đồng**
 - Vốn điều lệ trước phát hành : 36.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành : 54.000.000.000 đồng
 - Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 1.800.000 cổ phiếu
 - Phương thức phát hành : Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2010
 - Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu : Đại hội đồng cổ đông Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước.
+ NQ số 3/2010/QĐ-ĐHĐCĐ của ĐHCĐ CTCP May Sông Hồng ngày 24/08/2010.
+ Thông báo chấp thuận của UBCKNN trên website ssc.gov.vn ngày 25/4/2011.
+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 18/08/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.
- **Tăng vốn đợt 4 - Tháng 12/2014: tăng từ 54.000.000.000 đồng lên 108.000.000.000 đồng**
 - Phương thức tăng vốn : Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu
 - Vốn điều lệ trước khi chuyển đổi trái phiếu : 54.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau khi chuyển đổi trái phiếu : 108.000.000.000 đồng
 - Mệnh giá trái phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Tổng số lượng trái phiếu chuyển đổi : 540.000 trái phiếu
 - Tỷ lệ chuyển đổi : 1:10 (1 trái phiếu chuyển thành 10 cổ phiếu)
 - Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu : Đại hội đồng cổ đông Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước.
+ NQ số 02/2012/QĐ-ĐHCD của ĐHCĐ bất thường ngày 26/08/2012.
+ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 47/GCN-UBCK ngày 23/10/2012.
+ Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị CTCP May Sông Hồng ngày 2/12/2014.

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 15/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

• **Tăng vốn đợt 5 - Tháng 6/2015: tăng từ 108.000.000.000 đồng lên 113.400.000.000 đồng**

- Vốn điều lệ trước phát hành : 108.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 113.400.000.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 540.000 cổ phiếu
- Phương thức phát hành : Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu : Đại hội đồng cổ đông Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước.

+ Nghị quyết số 72/NQĐHCD của Đại hội đồng cổ đông thường niên CTCP May Sông Hồng ngày 23/05/2015.

+ Công văn số 3085/UBCK-QLPH về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ngày 10/06/2015.

+ Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động số 01BC-2015/MSH ngày 23/06/2015.

+ Công văn số 4207/UBCK-QLPH về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ngày 03/07/2015.

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 13/07/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

• **Tăng vốn đợt 6 - Tháng 8/2015: tăng từ 113.400.000.000 đồng lên 226.800.000.000 đồng**

- Vốn điều lệ trước phát hành : 113.400.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 226.800.000.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 11.340.000 cổ phiếu
- Phương thức phát hành : Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu : Đại hội đồng cổ đông Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước.

+ Nghị quyết số 72/NQĐHCD của Đại hội đồng cổ đông thường niên CTCP May Sông Hồng ngày 23/05/2015

+ Công văn số 4795/UBCK-QLPH về phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu ngày 31/07/2015

+ Công văn số 5313/UBCK-QLPH về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu ngày 21/08/2015

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 31/08/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

• **Tăng vốn đợt 7 - Tháng 8/2017: tăng từ 226.800.000.000 đồng lên 238.140.000.000 đồng**

- Vốn điều lệ trước phát hành : 226.800.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 238.140.000.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 1.134.000 cổ phiếu
- Phương thức phát hành : Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu : Đại hội đồng cổ đông Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước.

+ Nghị quyết số 38/NQ-ĐHCD của Đại hội đồng cổ đông thường niên CTCP May Sông Hồng ngày 06/05/2017

+ Công văn số 4288/UBCK-QLCB về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu cho người lao động ngày 23/06/2017

+ Công văn số 5460/UBCK-QLCB về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu cho người lao động ngày 10/08/2017

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 23/08/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

• **Tăng vốn đợt 8 - Tháng 6/2018: tăng từ 238.140.000.000 đồng lên 476.280.000.000 đồng**

- Vốn điều lệ trước phát hành : 238.140.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 476.280.000.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 23.814.000 cổ phiếu
- Phương thức phát hành : Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu : Đại hội đồng cổ đông Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước.

+ Nghị quyết số 23/NQ-ĐHCD của Đại hội đồng cổ đông CTCP May Sông Hồng ngày 12/05/2018.

+ Công văn số 361/UBCK-QLCB ngày 8/6/2018 về việc chấp thuận phát hành năm 2018.

+ Công văn số 4103/UBCK-QLCB ngày 3/7/2018 về việc chấp thuận kết quả phát hành năm 2018.

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 18/0/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

1.4 Các thành tích đạt được

- Các Danh hiệu thi đua:*

Năm	Danh hiệu	Danh hiệu đạt được
2011	Chứng nhận	Cúp Thiên Trường – QĐ số 1687/QĐ-UBND ngày 11/10/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định
Từ 2007 đến 2018	Chứng nhận	Được sử dụng nhãn hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao do Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao bình chọn (11 năm liên tiếp)
2017	Chứng nhận	Doanh nghiệp ưu tiên trong lĩnh vực Hải Quan do Tổng cục Hải Quan cấp chứng nhận tại Quyết định số 1488/QĐ-TCHQ ngày 03/05/2017

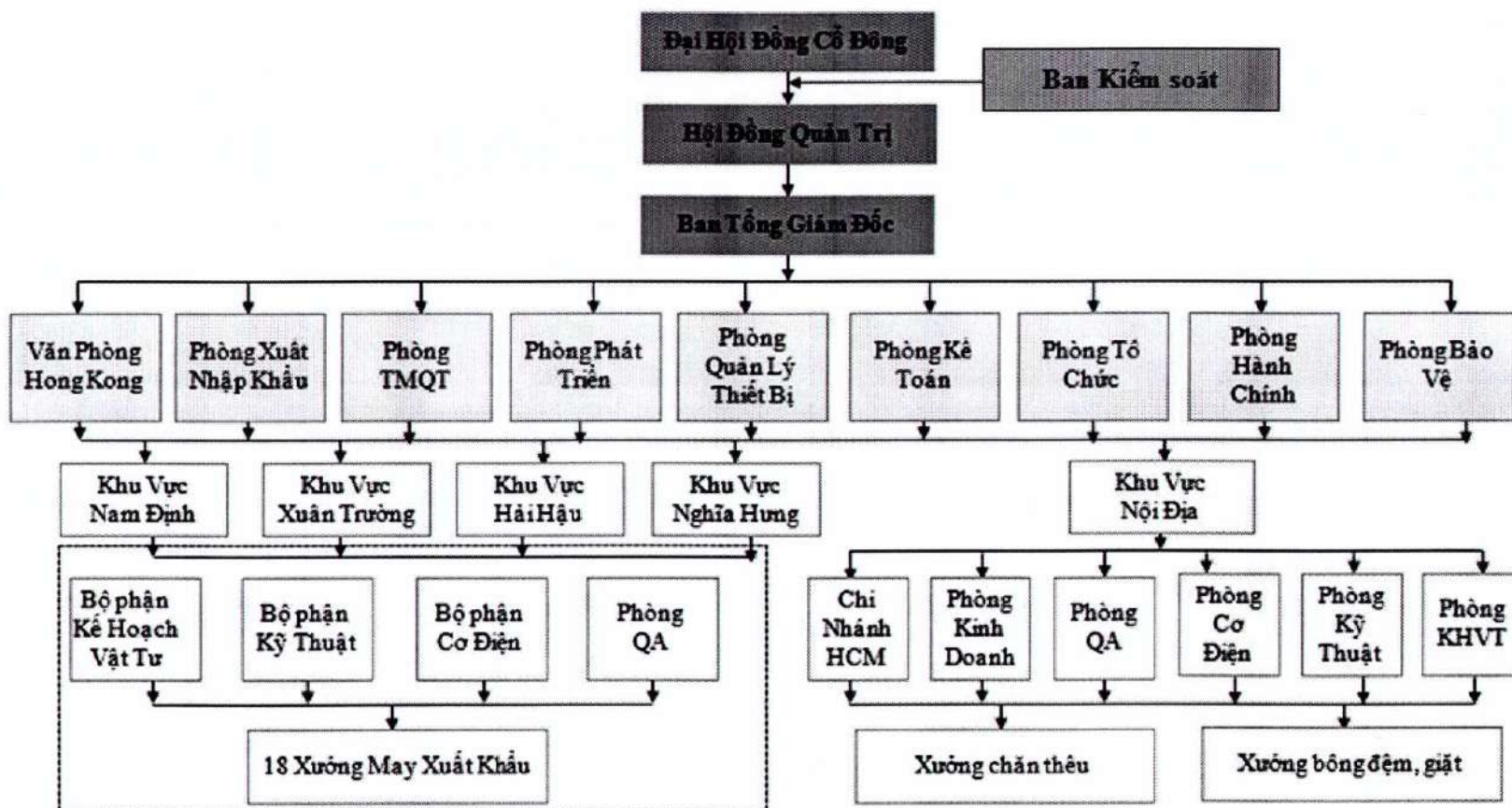
- Các Danh hiệu thi đua:*

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2015	Cờ thi đua của Thủ tướng chính phủ	Quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 16/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc doanh nghiệp đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh
2014	Bảng khen	Quyết định số 1148/QĐ-BTC ngày 27/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc doanh nghiệp đã có thành tích chấp hành tốt chính sách Pháp luật thuế năm 2013
2014	Bảng khen	Quyết định số 1976/QĐ-BCT ngày 10/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương khen thưởng các tập thể thuộc Hiệp hội Dệt may Việt Nam đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2013
2013	Bảng khen	Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 03/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định về việc khen thưởng doanh nghiệp đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.
2010	Bảng khen	Quyết định số 5991/QĐ-BCT ngày 15/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương các tập thể thuộc Hiệp hội Dệt may Việt Nam đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2009

• Một số danh hiệu khác:

Năm	Hình thức khen thưởng	Nội dung
Từ 2006 đến 2018	Chứng nhận	Chứng nhận ISO 9001:2008 của Tổng Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng
2008	Chứng nhận	Top 500 thương hiệu hàng đầu Việt Nam do Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam bình chọn
2013	Chứng nhận	Doanh nghiệp tiêu biểu ngành Dệt may Việt Nam lần thứ VIII – VITAS (2010 – 2013)
2014	Chứng nhận	Tổ chức kỷ lục Việt Nam xác lập kỷ lục dành cho: BTC Cuộc thi ảnh Bốn mùa yêu thương (trong đó Sông Hồng là nhà tài trợ chính) và BTC “Ngày hội gia đình Việt Nam – Năm 2014” đã ghép Bản đồ Việt Nam bằng nhiều ảnh gia đình nhất

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty



Diễn giải:

• **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thông qua các số liệu BCTC hàng năm của Công ty và kế hoạch kinh doanh cho năm tiếp theo. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ chính là bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS của Công ty.

• **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có từ 3 tới 11 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty có 4 thành viên, bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch HĐQT
2	Bùi Việt Quang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính

• **Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát là cơ quan có chức năng độc lập với HĐQT và BTGD, BKS do ĐHCĐ bầu ra, thay mặt ĐHCĐ giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHCĐ.

BKS của Công ty gồm 03 Thành viên với nhiệm kỳ 05 năm.

Danh sách Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Triệu Công Trứ	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Văn Bằng	Thành viên Ban Kiểm soát

• **Ban Tổng Giám Đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc, 2 Phó Tổng Giám đốc và 01 Giám đốc tài chính. Tổng Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Các Phó Tổng Giám Đốc và Giám đốc tài chính do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc của Công ty:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Việt Quang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Chí Dũng	Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính

• **Phòng Tổ Chức**

- Xây dựng cơ cấu tổ chức, định biên nhân sự của các bộ phận trong Công ty, đảm bảo bộ máy nhân sự luôn tinh gọn, hiệu quả hoạt động cao.
- Đề xuất và triển khai các chính sách nhân sự để thu hút, tuyển dụng và giữ chân những nhân sự có năng lực tốt.
- Tổ chức thực hiện các thủ tục nhân sự với người lao động theo đúng với các quy định của Nhà nước và của Công ty.
- Xây dựng, thực hiện thường xuyên các chương trình đào tạo về năng lực quản lý, năng lực chuyên môn cho CBCNV trong Công ty để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu công việc hiện tại cũng như tạo nguồn phát triển trong tương lai.
- Tổ chức các hoạt động truyền thông, sinh hoạt tập thể, các Chương trình gắn kết người lao động, đảm bảo nhân viên có tinh thần, thể trạng tốt, làm việc với năng suất cao.
- Thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Nhà nước và công ty tới toàn thể người lao động trong công ty.
- Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng cho CBCNV trong toàn Công ty.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao khác tùy theo từng thời điểm.

• **Phòng Hành Chính:**

- Chịu trách nhiệm tổ chức, phối hợp cùng các bộ phận trong việc quản lý cơ sở vật chất, tài sản của Công ty.
- Hỗ trợ các công tác hậu cần, hành chính cho các bộ phận khi có yêu cầu.

- Đưa ra các đề xuất và tổ chức thực hiện nhằm duy trì môi trường làm việc văn minh, theo đúng các tiêu chuẩn của Công ty và đáp ứng được các nguyện vọng chính đáng của người lao động.
 - Phụ trách công tác đánh giá nhà máy đối với toàn bộ nhà máy thuộc Công ty.
 - Tổ chức Khám chữa bệnh ngoại trú cho Cán bộ công nhân viên trong Công ty.
 - Chịu trách nhiệm đảm bảo các công tác: vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.
 - **Phòng Tài Chính Kế Toán**
 - Thực hiện công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính, quản lý tài sản, công nợ và kiểm soát các rủi ro tài chính cho Công ty.
 - Lập các báo cáo tài chính, báo cáo thuế và các báo cáo liên quan cho các Cơ quan hữu quan.
 - Phối hợp cung cấp hồ sơ và giải trình số liệu trong các đợt kiểm toán, hoặc thanh kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.
 - Phối hợp với các bộ phận liên quan, dựa trên các phân tích và đánh giá về tình hình tài chính, đề xuất lên Lãnh đạo công ty thực hiện lựa chọn các dự án mở rộng sản xuất kinh doanh.
 - **Phòng Xuất Nhập Khẩu**
 - Phòng Xuất nhập khẩu có chức năng làm thủ tục xuất nhập khẩu hàng (nguyên vật liệu nhập khẩu từ nước ngoài, xuất khẩu hàng cho Khách hàng) theo đúng quy định, đảm bảo chuẩn tiến độ và hoàn thiện chứng từ thanh toán với khách hàng.
 - **Phòng Thương Mại Quốc Tế**
 - Khai thác các nguồn hàng và Khách hàng may xuất khẩu.
 - Phát triển và thiết lập các quan hệ bền vững lâu dài và hiệu quả tốt nhất với các nhà cung cấp vật tư nguyên phụ liệu trong nước và nước ngoài để phục vụ cho sản xuất các đơn hàng may xuất khẩu.
 - **Phòng Quản Lý Thiết Bị**
 - Quản lý toàn bộ máy móc thiết bị của Công ty.
 - Lập kế hoạch trang thiết bị, kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa.
 - Kiểm tra và hướng dẫn cán bộ công nhân viên thực hiện các quy trình về vận hành thiết bị, an toàn lao động, bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa thay thế theo quy định.
 - Quản lý và cung cấp điện, nước, khí nén, nhiên liệu cho hoạt động sản xuất.
 - Tổ chức nghiên cứu và khai thác ứng dụng kỹ thuật tiên tiến phục vụ cho sản xuất.
-

- **Phòng Bảo Vệ**

- Chịu trách nhiệm đảm bảo an ninh trật tự, PCCC, phòng chống tội phạm và tình hình liên quan đến công tác bảo vệ an ninh trật tự an toàn trong toàn công ty. từ đó đề xuất với HĐQT. Ban giám đốc Công ty ban hành các phương pháp thực hiện công tác bảo vệ an toàn.
- Duy trì việc chấp hành nội quy, quy định, kỷ luật lao động, kỷ luật lao động... phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm nội quy kỷ luật lao động.

- **Phòng Phát triển**

- Nghiên cứu tài liệu các đơn hàng, biên soạn tài liệu công ty để các đơn vị chuẩn bị sản xuất.
- Chỉ đạo, nghiên cứu thiết kế kỹ thuật công nghệ cho từng loại sản phẩm, nhu cầu của khách hàng.
Làm định mức với khách hàng và làm định mức cho các xưởng sản xuất.
- Chỉ đạo hướng dẫn, giám sát kiểm tra mẫu và giác sơ đồ trước khi vào sản xuất.
- Lập quy trình lắp ghép sản phẩm để hướng dẫn công nhân sản xuất và định mức sản phẩm.
- Kiểm tra, duyệt sản phẩm đầu chuyên để các đơn vị triển khai sản xuất.
- Biên soạn các tiêu chuẩn chất lượng đối với từng loại sản phẩm để gửi cho các xưởng và thanh tra trước khi sản xuất.
- Nghiên cứu các loại ke cỡ, gá lắp và thao tác chuẩn để hướng dẫn, phổ biến kịp thời cho các đơn vị triển khai sản xuất và thống nhất trong toàn Công ty.
- Nghiên cứu thiết kế mẫu để phục vụ cho yêu cầu sản xuất các mã hàng FOB.
- Xây dựng đường chuyền sản xuất và định mức lao động để làm căn cứ làm lương cho người lao động.
- Tổ chức may mẫu và duyệt với khách hàng trước khi đưa vào sản xuất.
- Đàm phán, thỏa thuận về kỹ thuật và chất lượng sản phẩm với khách hàng, trình lãnh đạo công ty ký duyệt.
- Chỉ đạo giám sát, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện quy trình kỹ thuật, chất lượng sản phẩm.

- **Văn phòng Sông Hồng Hồng Kông**

- Có chức năng đại diện hình ảnh của CTCP May Sông Hồng tại Hồng Kông, tham gia tìm kiếm Khách hàng và Nhà cung cấp nguyên vật liệu về cho CTCP May Sông Hồng.

- **Các Khu vực sản xuất:** Thực hiện triển khai nhiệm vụ sản xuất được giao.

Trong đó

Bộ phận Kế Hoạch Vật Tư

- Theo dõi toàn bộ quá trình sản xuất của từng khách hàng hoặc từng mã hàng mà mình được phân công phụ trách từ khi nhập vật tư đến khi hoàn thiện hoặc xuất khẩu.

Bộ phận QA

- Kiểm tra chất lượng từ khâu nguyên, phụ liệu, sản xuất tới chất lượng sản phẩm cuối cùng.

Bộ phận Kỹ Thuật

- Nhận tài liệu từ Phòng Phát triển và thực hiện hướng dẫn các xưởng may tác nghiệp.

Phòng Kinh Doanh khu vực nội địa

- Lập và triển khai kế hoạch kinh doanh, thu hồi công nợ theo mục tiêu Ban Tổng giám đốc đề ra;
- Quản trị và điều phối hàng hóa, đặt hàng sản xuất theo nhu cầu thị trường.

Chi Nhánh TP. Hồ Chí Minh

- Triển khai hoạt động kinh doanh hàng nội địa khu vực Miền Nam.

Các Xưởng sản xuất: thực hiện nhiệm vụ sản xuất.



3. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ, số CMND, số ĐKKD (nếu có)) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ)

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tính đến thời điểm 1/10/2018

Bảng 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tính đến thời điểm 1/10/2018

ST T	Cổ đông	CMT/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ trọng (%)
1	Bùi Đức Thịnh	160153160	Số 15, Mạc Thị Bưởi, Nam Định	10.300.440	21,63%
2	CTCP Chứng khoán FPT	QD59/UBCK-GP	52 Lạc Long Quân, Q. Tây Hồ, Hà Nội	6.480.000	13,61%
3	Bùi Việt Quang	162110909	376 Hùng Vương, P. Vị Xuyên, TP. Nam Định	5.198.760	10,92%
4	Nguyễn Thị Đào	161981533	Số 6 Đông A – KĐT Hòa Vương, TP. Nam Định -	3.699.132	7,77%
	Tổng			25.678.332	53,91%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 1/10/2018)

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0703000386 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Nam Định cấp lần đầu ngày 03/06/2004, đăng ký thay đổi với mã số doanh nghiệp 0600333307 lần 17 ngày 18/07/2018.

Theo quy định tại điều 119 Luật doanh nghiệp năm 2014, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3.3. Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 1/10/2018

Bảng 4. Danh sách cổ đông tính đến thời điểm 1/10/2018

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng CP (cổ phần)	Tỷ trọng (%)
I	Cổ đông trong nước	510	47.416.000	99,55%
1	Cổ đông tổ chức	3	6.768.000	14,21%
2	Cổ đông cá nhân	507	40.648.000	86,39%
II	Cổ đông nước ngoài	1	212.000	0,45%
1	Cổ đông tổ chức	1	212.000	0,45%
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0
	Tổng cộng	511	47.628.000	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 1/10/2018)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của CTCP May Sông Hồng, những công ty mà CTCP May Sông Hồng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP May Sông Hồng.

- Danh sách những công ty mẹ: Không có.
- Danh sách những công ty con: Không có.
- Công ty mà CTCP May Sông Hồng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có.
- Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP May Sông Hồng: Không có.
- Công ty, đơn vị có liên quan:
 - + Công ty TNHH May mặc Sông Hồng: là pháp nhân hoạt động độc lập được thành lập tại Hồng Kông và là đối tác của CTCP May Sông Hồng trong việc tìm kiếm nguồn hàng và Khách hàng.
 - + Chi Nhánh TP. Hồ Chí Minh: là đơn vị hạch toán phụ thuộc của CTCP May Sông Hồng.

5. Hoạt động kinh doanh

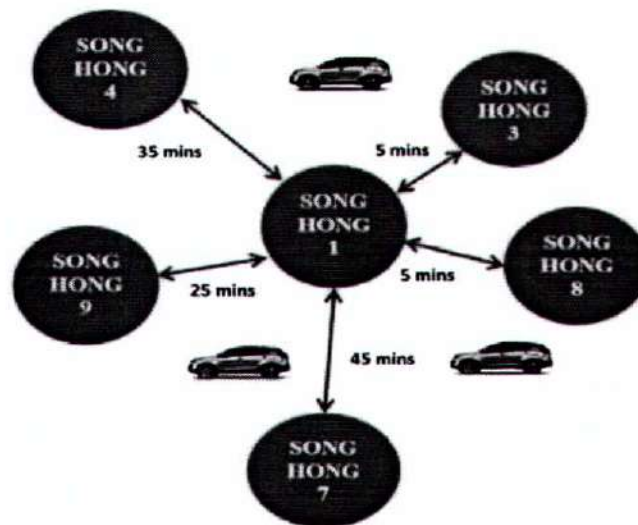
5.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Sau 30 năm hình thành và phát triển, Công ty đã xây dựng và khẳng định được thương hiệu là một trong những đơn vị may hàng đầu Việt Nam. Gần đây nhất, Công ty được vinh danh top 8 Doanh nghiệp ngành may lớn nhất Việt Nam và top 5 doanh nghiệp tư nhân thuộc ngành may

lớn nhất Việt Nam trong Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017.

Để đạt được thành tựu nêu trên, Công ty hiện đang sở hữu và vận hành 6 Khu vực sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và sản xuất chăn ga gối đệm đặt trên địa bàn TP. Nam Định, nơi giàu truyền thống về dệt may và công nhân lành nghề.

- Vị trí địa lý: nằm cách sân bay và cảng biển quốc tế 2 giờ đồng hồ bằng ô tô.
- Nhà máy rộng rãi, ngăn nắp và sạch sẽ, được trang bị thiết bị hiện đại.
- Mỗi xưởng may có 8 chuyên may với khoảng 500 công nhân.
- Tổng cộng 144 chuyên may, trung bình sản xuất ra 4 triệu sản phẩm may mặc mỗi tháng.
- Năng suất cạnh tranh với các nhà máy trong khu vực châu Á.



CÁC KHU VỰC SẢN XUẤT

Sông Hồng 1 (Xưởng may 1-2)	Sông Hồng 3 (xưởng may 3-6)
<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: 105 Nguyễn Đức Thuận, phường Thống Nhất, tp. Nam Định • Năm thành lập: 2000 • Số lượng xưởng may: 2 • Số lượng chuyên may: 16 • Số lượng công nhân: 1.000 • Năng lực sản xuất: 630.000 chiếc/tháng trên đơn vị sản phẩm cơ bản • Tỷ lệ: 50% dệt thoi, 50% dệt kim 	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Quốc lộ 10, thành phố Nam Định • Năm thành lập: 2006 • Số lượng xưởng may: 4 • Số lượng chuyên may: 32 • Số lượng công nhân: 2000 • Bao gồm 4 xưởng may, 32 chuyên may và 2000 công nhân • Năng lực sản xuất: 1,300,000 chiếc/tháng • Tỷ lệ: 65% dệt thoi, 35% dệt kim

<p>Sông Hồng 4 (xưởng may 7-10, xưởng giặt)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định • Năm thành lập: 2009 • Số lượng xưởng may: 4 • Số lượng chuyên may: 32 • Số lượng công nhân: 2000 • Năng lực sản xuất: 1,300,000 chiếc/tháng • Tỷ lệ: 65% dệt thoi, 35% dệt kim • Năng lực giặt: 600,000 chiếc/tháng, garment wash, enzyme/stone wash 	<p>Sông Hồng 7 (xưởng may 11-14)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định • Năm thành lập: 2012 • Số lượng xưởng may: 4 • Số lượng chuyên may: 32 • Số lượng công nhân: 2000 • Năng lực sản xuất: 1,300,000 chiếc/tháng • Tỷ lệ: 50% dệt thoi, 50% dệt kim
<p>Sông Hồng 8 (xưởng chần, bông, chần, thêu, in)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: khu công nghiệp Mỹ Trung, Quốc lộ 10, thành phố Nam Định • Năm thành lập: 2001 • Bao gồm: 2 xưởng may chần, 1 xưởng bông/đệm, 1 xưởng thêu, 1 xưởng chần, 1 xưởng in • Số lượng công nhân: 300 • Năng lực chần: 150,000 yards/tháng • Năng lực thêu: TBA • Năng lực in: TBA 	<p>Sông Hồng 9 (xưởng may 15-18)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định • Năm thành lập: 2015 • Số lượng xưởng may: 4 • Số lượng chuyên may: 32 • Số lượng công nhân: 2000 • Năng lực sản xuất: 1,500,000 chiếc/tháng • Tỷ lệ: 100% dệt kim

Công ty đang tập trung vào 2 lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính sau:

- **Khu vực May xuất khẩu: May Sông Hồng chuyên sản xuất các sản phẩm may mặc xuất khẩu cho các thương hiệu hàng đầu trên thế giới.**

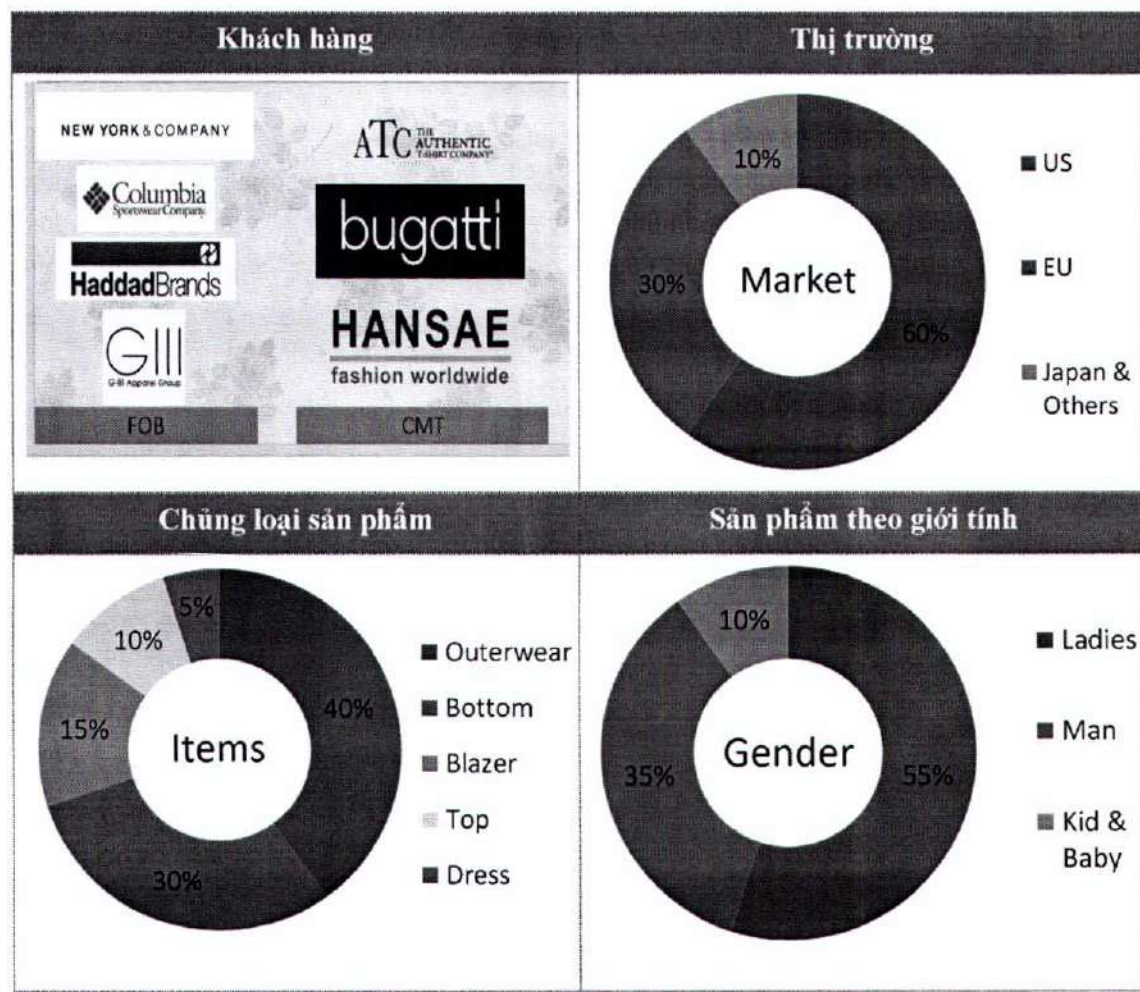
May Sông Hồng là Doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng may mặc với hoạt động chính là xuất khẩu cho các thương hiệu may mặc lớn trên thế giới. 2 phương thức xuất khẩu Công ty đang thực hiện CMT và FOB. Trong đó phân khúc FOB hiện đang chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

- CMT (Cut – Make – Trim): CMT (Cut - Make – Trim) là phương thức xuất khẩu mà các Khách hàng mua hàng cung cấp cho doanh nghiệp gia công toàn bộ đầu vào để sản xuất sản phẩm bao gồm mẫu thiết kế, nguyên liệu, vận chuyển, các nhà sản xuất chỉ thực hiện việc cắt, may và hoàn thiện sản phẩm.

- OEM/FOB (Original Equipment Manufacturing/ Free on Board): FOB là một phương thức xuất khẩu ở bậc cao hơn so với CMT. FOB trong ngành may mặc được hiểu là một hình thức sản xuất theo kiểu “mua đứt – bán đoạn”. Theo phương thức FOB, các doanh nghiệp thực hiện sẽ tham gia thêm vào cả khâu “Tìm nguồn cung ứng đầu vào” với việc tự đi tìm kiếm nhà cung cấp nguyên liệu (FOB tự search – FOB cấp 2) hoặc nhập nguyên liệu từ một đơn vị được đối tác chỉ định (FOB chỉ định – FOB cấp 1).

Là Công ty với 30 năm xây dựng và phát triển, May Sông Hồng có kinh nghiệm sản xuất nhiều chủng loại sản phẩm đa dạng khác nhau từ dệt kim đến dệt thoi, hàng thể thao, thời trang cho nam, nữ và trẻ em - với những chủng loại phong phú như: váy, quần, áo jacket, T shirt, Blue suit, hàng ni... Công ty hiện là đối tác sản xuất của các nhãn hiệu thời trang lớn như Nike, Calvin Klein, Tommy Hilfiger, DKNY, Columbia Sportswear, Bugatti...

- ❖ **Đối với hàng FOB:** May Sông Hồng chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Mỹ (70%), Châu Âu (30%). Các Khách hàng lớn, có uy tín trên thị trường thường xuyên hợp tác với Công ty như: Columbia Sportswear, Haddad Brands (với các thương hiệu Nike, Converse, Levi's), GIII (với các thương hiệu Calvin Klein, Tommy Hilfiger, DKNY)
- ❖ **Đối với hàng CMT:** Thị trường xuất khẩu chủ yếu của Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada, Mỹ.



• **Khu vực nội địa: mặt hàng chủ lực là Chăn ga gối đệm**

Với những nỗ lực không ngừng, các sản phẩm chăn, ga, gối, đệm của Công ty liên tục được người tiêu dùng bình chọn là “Hàng Việt Nam chất lượng cao” trong nhiều năm liền. Có thể khẳng định, chất lượng sản phẩm của Công ty đã được kiểm chứng từ sự lựa chọn của người tiêu dùng. Đặc biệt, từ năm 2016 ngoài cung cấp cho thị trường nội địa, sản phẩm chăn ga gối của Công ty đã đủ tiêu chuẩn xuất khẩu vào 2 thị trường khó tính là Nhật Bản và Hàn Quốc (Hàn Quốc hiện đang áp dụng tiêu chuẩn của EU, riêng đối tác Nhật Bản có tiêu chuẩn JIS với yêu cầu cao hơn về chất lượng sản phẩm, độ an toàn của sản phẩm cũng như an toàn nhà máy, an toàn trong môi trường sản xuất).

❖ **Đệm:**

Sau 17 năm có mặt trên thị trường Việt Nam, May Sông Hồng đã cho ra đời 2 dòng đệm:

- **Đệm 3 mảnh cũ:** đây là dòng đệm bông cứng thế hệ đầu tiên của Công ty ra mắt từ những năm đầu phát triển mảng sản phẩm chăn ga gối nội địa. Tuy nhiên hiện tại công ty đã ngừng sản xuất mặt hàng này để chuyển sang sản xuất hoàn toàn đệm tinh khiết (hiện tại chỉ còn lại hàng tồn kho).
- **Đệm tinh khiết:** trước sự đón nhận của người tiêu dùng, Công ty đã đầu tư thiết bị công nghệ cao cho dòng sản phẩm đệm bông tinh khiết thế hệ thứ 2 vào năm 2016. Đây là dòng đệm có các ưu điểm vượt trội hơn đệm thế hệ 1: đệm tốt, bền lâu theo thời gian với chất lượng bông tinh khiết; thông thoáng, thoải mái nhờ cấu trúc sợi được ép gọn sóng, có nhiều khoảng trống; nằm êm nhưng không bị xẹp, lún; trọng lượng nhẹ, dễ vận chuyển, vệ sinh, đảm bảo chất lượng bền, hình thức sang trọng. Đây là mặt hàng được đánh giá là “Tinh hoa của đỉnh cao chất lượng” – là niềm tự hào của thương hiệu chăn ga gối đệm Sông Hồng.

❖ **Chăn ga gối:** các dòng sản phẩm chủ lực bao gồm:

- **Home collection:** là các sản phẩm cao cấp của thương hiệu Chăn Ga Gối Đệm Sông Hồng. Với xu hướng màu hiện đại, sử dụng chất liệu vải nhập khẩu 100% cotton 250T với những họa tiết và thiết kế tươi sáng, trẻ trung, bộ sưu tập Home Collection phù hợp với cuộc sống đô thị và các gia đình trẻ
- **Classic collection:** là dòng sản phẩm chăn ga gối truyền thống, sử dụng chất liệu vải 100% Cotton 200T và TC 170T, mang nhiều ưu điểm về tính kinh tế, tiện dụng, mềm mại, bền chắc. Sản phẩm nổi bật là các mẫu Chăn đông Sông Hồng, vốn đã nổi tiếng về sự ấm áp và nhẹ nhàng

➤ **Hàng HELLO KITTY - DORAEMON**

Các sản phẩm chăn - ga - gối được thiết kế từ hình ảnh bản quyền Doraemon và Hello Kitty đáng yêu, rất êm ái và an toàn dành riêng cho trẻ em Việt Nam.

Ruột bông của các sản phẩm chứa hạt nano bạc để diệt khuẩn, đảm bảo sự an toàn cho làn da nhạy cảm của các bé.

➤ **Hàng ELEGANCE**

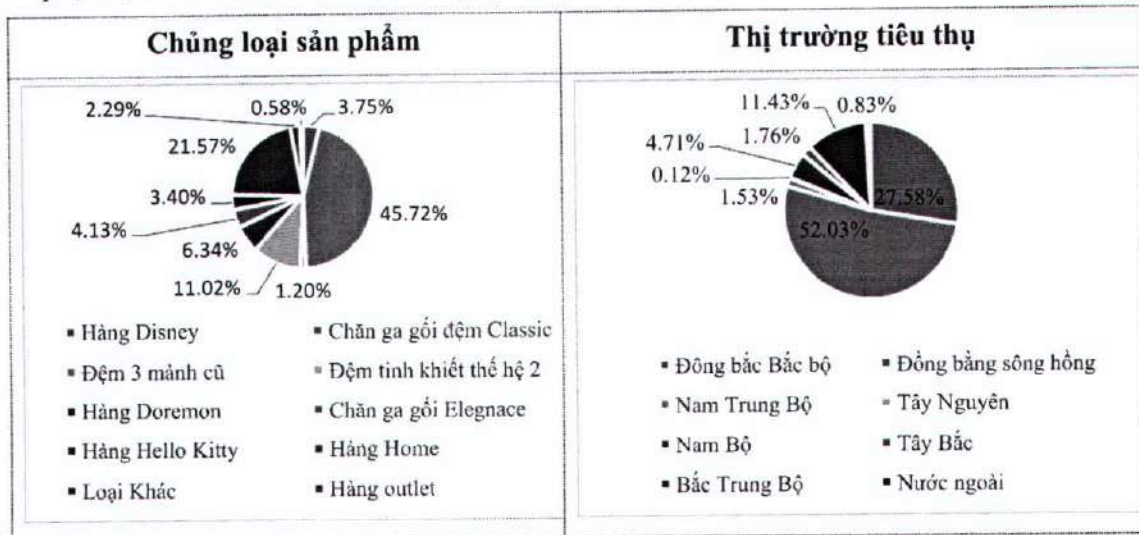
Với chất liệu MICRO SH lần đầu tiên xuất hiện, độ bền màu cao, sợi vải thoáng, mịn; màu sắc sang trọng, trang nhã, họa tiết phong phú, chúng tôi hy vọng ELEGANCE Collection sẽ là sự lựa chọn hàng đầu của quý khách khi mua dùng sản phẩm.

Elegance với những thiết kế năng động, trẻ trung nhưng không kém phần trang nhã, lịch thiệp, chắc chắn sẽ làm hài lòng ngay cả những khách hàng khó tính nhất, đặc biệt khi đối tượng khách hàng tiềm năng mà thương hiệu hướng tới là giới trẻ

➤ **Bộ sản phẩm trẻ em**

Các sản phẩm trẻ em của May Sông Hồng được sản xuất trên thiết bị hiện đại và giám sát chặt chẽ đảm bảo chất lượng sản phẩm và được phun Nano kháng khuẩn, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho bà Mẹ và Trẻ em.

❖ Ngoài ra, Công ty còn hệ thống các mảng phụ trợ như: giặt là, in thêu - chần, và bông tắm phục vụ sản xuất nội bộ trong Công ty cũng như cung cấp dịch vụ cho Khách hàng.



5.2. Cơ cấu doanh thu theo từng nhóm

Bảng 5. Sản lượng sản xuất một số sản phẩm chính của Công ty

STT	Dạng sản phẩm	Đơn vị tính	2016	2017	9 tháng 2018
I	May xuất khẩu	Sản phẩm	44.103.921	46.799.834	31.634.081
1	Quần	Sản phẩm	22.051.961	23.182.371	15.821.335
2	Áo	Sản phẩm	13.750.068	14.500.089	7.912.815
3	Váy	Sản phẩm	8.301.892	9.117.374	3.957.482
II	Bông chần	yard	4.182.437	4.517.141	4.246.784
III	Chăn ga gối		1.146.244	1.106.729	578.429
1	Chăn ga gối	Sản phẩm	1.060.458	1.013.968	535.094
2	Đệm	Sản phẩm	85.786	92.761	43.335

(Nguồn: Công Ty Cổ Phần May Sông Hồng)

Sản lượng sản xuất Áo và Váy 9 tháng 2018 chiếm tỷ trọng lần lượt 54,57% và 43,41% so với sản lượng năm 2017, do các đơn hàng được chuyển dịch sang hàng cao cấp, đơn giá cao, thời gian tác nghiệp mỗi mã sản phẩm dài hơn các đơn hàng gia công đơn giản.

Bảng 6. Sản lượng tiêu thụ một số sản phẩm chính của Công ty

STT	Dạng sản phẩm	Đơn vị tính	2016	2017	9 tháng 2018
I	May xuất khẩu	Sản phẩm	43.174.719	46.897.116	29.832.500
1	Quần	Sản phẩm	21.587.360	23.230.560	14.920.300
2	Áo	Sản phẩm	13.460.375	14.530.230	9.930.180
3	Váy	Sản phẩm	8.126.984	9.136.326	4.982.020
III	Chăn ga gối		1.143.486	1.036.295	644.164
1	Chăn ga gối	Sản phẩm	1.056.876	943.633	600.349
2	Đệm	Sản phẩm	86.610	92.662	43.815

(Nguồn: Công Ty Cổ Phần May Sông Hồng)

Đối với sản phẩm may xuất khẩu và Bông chần: Công ty sản xuất theo đơn đặt hàng của Khách hàng nên hậu như lượng sản xuất và tiêu thụ không có sự chênh lệch nhiều (chỉ gói đầu qua các năm).

Đối với mảng nội địa sản xuất chăn ga gối: Công ty nhắm vào nhiều phân khúc sản phẩm để đáp ứng được yêu cầu của nhiều đối tượng Khách hàng. Tuy nhiên thị trường chủ lực mang lại doanh thu mảng này là phân khúc tầm trung tại Khu vực Phía Bắc.

Bảng 7. Cơ cấu doanh thu thuần theo mảng sản xuất

Đơn vị tính: đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2016		Năm 2017		9 tháng đầu năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu hàng FOB	1.710.589.356.550	57,17	2.055.672.315.709	62,64	2.113.870.713.224	70,80
Doanh thu dịch vụ gia công (CMT)	952.744.545.939	31,84	862.716.624.214	26,29	558.475.177.909	18,71
Doanh thu khu vực nội địa	328.745.675.078	10,99	363.497.319.939	11,08	313.092.189.668	10,49
Tổng cộng	2.992.079.577.567	100	3.281.886.259.862	100	2.985.438.080.801	100

(Nguồn: Công Ty Cổ Phần May Sông Hồng)

FOB: là mảng kinh doanh mang lại doanh thu chính cho May Sông Hồng với trên 60% trong tỷ trọng tổng doanh thu. Theo kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2018, doanh thu từ FOB đạt trên 2.113,89 tỷ đồng (chiếm 70,80% tổng doanh thu). Định hướng chuyển đổi sang FOB thể hiện rõ ràng thông qua kết quả này. Ở Mảng này, trong những năm gần đây Công ty đã giữ được các khách hàng truyền thống lớn như New York and Company, Columbia, G-III là các khách hàng truyền thống của MSH với tỷ trọng doanh thu theo mảng FOB 9 tháng đầu năm 2018 lần lượt là 25%, 22%, 21%. Ngoài ra, HADDAD là công ty thiết kế, kinh doanh, phân phối các thương hiệu lớn như Converse, Nike, Levi's đã bắt đầu hợp tác với May Sông Hồng từ năm 2017. Theo kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2018, tỷ trọng đóng góp vào doanh thu của HADDAD đã đạt 20% (so với mức 8,4% năm 2017). Dự kiến trong năm 2018, 2019; HADDAD tiếp tục là khách hàng lớn với ước lượng doanh thu đóng góp ở mức 18% - 20%.

Trong khi đó, Tỷ trọng doanh thu ở hoạt động CMT giảm dần từ 31,83% năm 2016 xuống chỉ còn 18,71% trong 9 tháng đầu năm 2018.

Đối với **Mảng chăn ga gối đệm** chiếm 11% tổng doanh thu trong năm 2017 và giảm nhẹ xuống mức 10,49% trong 9 tháng đầu năm 2018. Đây là điểm đặc thù do mùa vụ chăn ga gối đệm chủ yếu tập trung vào cuối năm.

Tỷ trọng lợi nhuận gộp của Công ty có sự tương đồng so với cơ cấu doanh thu:

Hiện nay, Cơ cấu doanh thu của Công ty đang có xu hướng dịch chuyển tăng tỷ trọng các mảng đem lại tỷ lệ lợi nhuận gộp cao (Mảng gia công theo phương thức FOB có tỷ lệ lợi nhuận gộp 9 tháng đầu năm 2018 là 14,11%) và giảm tỷ trọng doanh thu các mảng đem lại tỷ lệ lợi nhuận

thấp (Mảng gia công theo phương thức CMT có tỷ lệ lợi nhuận gộp 9 tháng đầu năm 2018 là 2,16%).

Bảng 8. Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị tính: đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2016		Năm 2017		9 tháng đầu năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%) / DTT	Giá trị	Tỷ trọng (%) / DTT	Giá trị	Tỷ trọng (%) / DTT
Lợi nhuận gộp hàng FOB	290.971.619.709	9,72	369.219.017.397	11,25	421.382.691.397	14,11
Lợi nhuận gộp dịch vụ gia công (CMT)	98.366.658.048	3,29	70.252.738.170	2,14	64.616.671.026	2,16
Lợi nhuận gộp khu vực nội địa	106.633.663.044	3,56	124.504.563.477	3,79	93.868.543.878	3,14
Tổng cộng	495.971.940.801	16,58	563.976.319.044	17,18	579.867.906.301	19,42

(Nguồn: Công Ty Cổ Phần May Sông Hồng)

5.3. Nguyên vật liệu

a) Nguồn nguyên vật liệu

- **Đối với Khu vực may xuất khẩu:**

- **Nguyên vật liệu sản xuất hàng CMT:** chủ yếu do Khách hàng trực tiếp mua và chỉ định công ty thực hiện nhập khẩu từ nước ngoài. Đối với một số phụ liệu đơn giản như chỉ, túi, dùm, ...: Công ty trực tiếp mua từ các nhà cung cấp trong nước nếu có sự yêu cầu từ phía Khách hàng.
- **Nguyên vật liệu sản xuất hàng FOB:** do yêu cầu về chất lượng Khách hàng đưa ra, hầu hết nguyên vật liệu chính (vải chính) sản xuất hàng FOB cũng đều được mua phần lớn từ nước ngoài. Tỷ trọng chủ yếu đến từ các nước Mỹ, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan. Với Phụ liệu và vải lót, Công ty thực hiện mua từ các nhà cung cấp trong nước.

- **Đối với Khu vực sản xuất hàng nội địa:**

- **Nguyên liệu:**

Bông xơ: thị trường nhập khẩu chính từ Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan.

Vải: ưu tiên hàng đầu cho các công ty lớn trong nước như Việt thắng, Dệt may Bảy và 1 số Công ty liên doanh đặt tại Việt Nam với mục đích tiệm cận quy định xuất xứ hàng hóa từ hiệp định CPTPP.

Tuy nhiên vải của các mặt hàng cao cấp vẫn được nhập Trung Quốc và chủ yếu Hàn Quốc.

- **Nguồn Phụ liệu:** chủ yếu mua trong nước: khóa túi, nhãn mác, nhuộm, in...

Một số đối tác thường xuyên cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty:

STT	Đối tác	Quốc gia	Hàng hóa
1	TORAY CHEMICAL KOREA INC	KOREA	Cung cấp bông xơ
2	WINTHETEX CO.,LTD	KOREA	Cung cấp bông xơ
3	NANTONG JIEDA TEXTILE CO., LTD	CHINA	Cung cấp vải chính
4	HANSUNG FIBER CO.,LTD	KOREA	Cung cấp bông xơ
5	Công ty TNHH Công nghiệp dệt may Thái Bình Dương	Việt Nam	Cung cấp vải chính
6	CHANNEL FABRICS INC	Mỹ	Cung cấp vải chính hàng GIII
7	Chung Woo Corporation	Hàn Quốc	Cung cấp vải chính
8	CIT Trade Finance Funding Company LLC (PPC ASIA)	USA	Cung cấp dụng
9	JIANGSU CMZ ZIPPER SCI &TECH	China	Cung cấp khóa
10	GIM (HK) COMPANY (LUENTHAI INTERNATIONAL)	Hong kong	Cung cấp vải chính, lót, bo len

b) Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Đối với nguyên liệu sản xuất hàng CMT: nguồn cung cấp luôn ổn định do nguyên vật liệu chủ yếu cho Khách hàng trực tiếp cung cấp.

Đối với nguyên liệu sản xuất hàng FOB và hàng chần ga gói đệm: Nguồn cung cấp nguyên vật liệu được đánh giá là ổn định do Công ty có mối quan hệ truyền thống lâu bền với các nhà cung cấp. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty luôn bảo đảm nguồn hàng với số lượng, chất lượng tốt, đúng thời hạn và đều là những nhà cung cấp nguyên vật liệu truyền thống, có năng lực và uy tín, gắn bó từ nhiều năm. Ngoài ra, hiện tại mảng FOB của Công ty chủ yếu là FOB chỉ định nên MSH không gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn cung cấp.

Để duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp lâu năm, Công ty thường xuyên tổ chức các Hội nghị gặp gỡ thường niên nhà cung cấp. Đây là hoạt động vừa tạo sự gắn kết giữa các bên, đồng thời cũng là cơ hội để Công ty cập nhật thông tin mới về công nghệ để có dữ liệu phát triển các chủng loại hàng hóa mới (kể cả nước ngoài).

Ngoài ra, Văn phòng Sông Hồng Hồng Kông với vị trí nằm ở trung tâm kinh tế lớn nhất thế giới (Trung Quốc) có trách nhiệm tìm kiếm các nhà cung cấp mới đạt yêu cầu về chất lượng, giá cả nhằm chủ động nguồn nguyên vật liệu cho sản xuất. Chính vì vậy dù nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất của Công ty chủ yếu không có sẵn trong nước và phần lớn phải nhập khẩu nhưng nguồn cung từ các nhà cung cấp đến từ các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan... luôn đáp ứng đầy đủ do Công ty đã xây dựng được mối quan hệ truyền thống ổn định với các nhà cung cấp trong và ngoài nước.

c) Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Đối với mảng sản xuất chần ga gối: nguyên vật liệu luôn chiếm tỷ trọng lớn trong giá vốn hàng bán nên biến động của giá cả nguyên vật liệu ảnh hưởng rất lớn tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Để hạn chế sự biến động của giá cả nguyên vật liệu đầu vào, Công ty chủ động định hướng xây dựng hệ thống nhà cung cấp rộng khắp, ký hợp đồng nguyên tắc lâu dài với các nhà cung cấp lớn và uy tín để đảm bảo tính ổn định của giá cả.

Đối với mảng sản xuất hàng CMT: biến động của giá cả nguyên vật liệu không ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Đối với mảng sản xuất hàng FOB: với đặc thù của FOB chỉ định, việc biến động giá cả nguyên vật liệu được đánh giá không ảnh hưởng nhiều tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Nguyên nhân do Khách hàng nắm được sơ bộ đơn giá nguyên vật liệu khi chỉ định nhà cung cấp và Công ty đã tính toán được “costing – đơn giá ký hợp đồng” của sản phẩm trước khi 2 bên xác nhận đơn hàng.

5.4. Chi phí sản xuất

Bảng 9. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, tỷ lệ từng loại chi phí trên doanh thu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		9 tháng đầu năm 2018	
	Giá trị	DTT (%)	Giá trị	DTT (%)	Giá trị	DTT (%)
1. Giá vốn hàng bán	2.496.107.636.766	83,42	2.717.909.940.818	82,82	2.405.570.174.500	80,58
2. Chi phí tài chính	32.425.959.950	1,08	49.046.068.932	1,49	37.287.511.161	1,25
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>38.516.750.948</i>	<i>1,29</i>	<i>36.708.377.783</i>	<i>1,12</i>	<i>25.940.437.257</i>	<i>0,87</i>
3. Chi phí QLDN	169.153.709.769	5,65	187.854.167.688	5,72	138.478.600.356	4,64
4. Chi phí bán hàng	132.160.907.470	4,42	151.002.843.819	4,60	106.791.382.593	3,58
5. Chi phí khác	6.575.630.518	0,22	2.746.623.926	0,08	24.723.133	0,00
Tổng cộng	2.836.423.844.473	94,80	3.108.559.645.183	94,71	2.714.092.829.000	90,91

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC Quý III/2018)

Chi phí hoạt động của Công ty không có nhiều biến động trong những năm qua và có xu hướng giảm dần.

Với đặc thù là doanh nghiệp may mặc xuất khẩu là chủ yếu nên chi phí giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng cơ cấu chi phí. Chi phí giá vốn hàng bán từ năm 2016 đến nay đều chiếm trên 80% trên doanh thu thuần của Công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí xăng xe công tác, chi phí nhân công, chi phí khấu hao, và một số chi phí khác. Trong đó, chi phí lương quản lý chiếm phần lớn chi phí quản lý doanh nghiệp. Chi phí bán hàng chủ yếu là cước vận chuyển và một số chi phí khác. Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng thường không quá lớn, chiếm tỷ trọng nhỏ so với doanh thu thuần. 9 tháng đầu năm 2018, các khoản chi phí gián tiếp này có xu hướng giảm.

Chi phí tài chính của công ty chủ yếu là chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá. Trong đó chi phí lãi vay có xu hướng giảm một phần do các khoản vay dài hạn đầu tư xây dựng đã được Công ty trả dần nợ gốc.

5.5. Trình độ công nghệ

Từ đầu thế kỷ 21, thế giới bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (công nghiệp 4.0) với sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin và Internet. Trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, khi mức độ tự động hóa được đẩy lên tối đa, tác động tích cực có thể nhận thấy đối với ngành dệt may như:

- Tạo cơ hội thay thế công việc lặp đi lặp lại không cần kỹ năng, kinh nghiệm, công việc độc hại, dễ gây tai nạn... bằng máy móc công nghệ mới;
- Nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động;
- Tạo sức ép để đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng cho người lao động;

Mặt khác một số mặt trái có thể xảy ra như nguy cơ đưa sản xuất về lại nước nhập khẩu và gia tăng nguy cơ mất việc làm đối với những công đoạn dễ thay thế bằng máy móc.

Tuy nhiên với Doanh nghiệp sản xuất chủ yếu trong công đoạn may như May Sông Hồng, khả năng thay thế ở mức độ thấp hơn do các mặt hàng thực hiện có tính thời trang cao, nhu cầu phong phú, đa dạng về kiểu dáng, chi tiết trang trí theo thị hiếu người tiêu dùng.

(trừ một số khâu như trái vải, cắt, giác sơ đồ... hiện nhiều doanh nghiệp đã trang bị máy móc với trình độ tự động hóa cao)

Trong thời gian qua, Công ty luôn theo dõi sát sao tình hình phát triển công nghệ trong lĩnh vực may mặc để có thể cải tiến và áp dụng những thành tựu khoa học mới nhất vào trong dây chuyền sản xuất. Cụ thể:

- May Sông Hồng đã trang bị hàng loạt các loại máy tự động hóa cao thuộc loại tiên tiến nhất hiện nay của hãng Juki và Oshima, bao gồm máy trái vải tự động, cắt vải tự động, máy lập

trình CNC trần bông điện tử, máy may lập trình tự động, máy thổi phom quần áo tự động, máy dò kim 200% có bộ lật mặt... Việc tự động hóa tối đa ở các công đoạn giúp cho năng lực sản xuất của Công ty tăng lên đáng kể, giảm chi phí nhân công, chi phí điện năng tiêu thụ cũng như đảm bảo chất lượng sản phẩm. Với trình độ công nghệ và thiết bị hiện đại như vậy, Công ty có khả năng sản xuất các mặt hàng của các hãng thời trang khó tính hàng đầu thế giới như: Columbia Sportswear, New York & Company, Gap Inc., GIII (Calvin Klein), Haddad (Nike, Converse, Hurley), Luen Thai (PVH, Victoria Secret), Bugatti, C&A, JCPenney, MGT (Walmart, Kohl's, Target) ...

- Ngoài ra, với việc đạt chứng chỉ và chương trình quốc tế về trách nhiệm xã hội và an ninh như Better Work, WRAP, CT-PA, Công ty luôn đảm bảo tạo ra môi trường làm việc không những hiện đại mà còn an toàn, lành mạnh, bền vững cho công nhân cũng như thân thiện với môi trường.

5.6. Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

- **Hàng may xuất khẩu**

Hiện nay, Công ty đang sản xuất theo các Phương thức CMT và FOB nên mẫu mã, chất liệu cũng như các quy cách khác của sản phẩm đều tuân thủ theo yêu cầu từ phía Khách hàng.

- **Hàng nội địa**

Những ngày đầu gia nhập thị trường chăn ga gối Việt Nam, Công ty cổ phần May Sông Hồng mới chỉ định hướng đưa ra thị trường sản phẩm chăn đông để đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dùng. Sau khi thương hiệu chăn May Sông Hồng phát triển, Công ty đã mạnh dạn đưa đến thị trường nhiều dòng chăn ga gối khác nhau như dòng Home Collection, Classic Collection, Hàng trẻ em có bản quyền của Disney, Hello Kitty – Doraemon Collection và đệm bông ép.

Qua nghiên cứu thị trường để nắm bắt thị hiếu người tiêu dùng, hàng năm Công ty đều đưa ra thị trường mã màu mới song song với những màu được ưa chuộng của các dòng sản phẩm như:

- Hàng Home: trung bình 10 màu mới.
- Hàng Classic: trung bình 10 -15 mã màu mới.
- Hàng Trẻ em: trung bình 8 mã màu mới.
- Hàng Elegance: dự kiến 10 mã màu mới.

Ngoài việc duy trì các dòng sản phẩm cũ, Công ty định hướng luôn nghiên cứu, nắm bắt thị hiếu cũng như công nghệ mới để áp dụng vào thực tiễn sản xuất. Với mục tiêu **“Luôn khác biệt để phát triển”**, Khu vực sản xuất hàng nội địa chính là dư địa cho sự sáng tạo không ngừng của Công ty. Mục tiêu cụ thể của Khu vực sản xuất Hàng nội địa là 2 năm sẽ cho ra đời 1 dòng sản phẩm mới:

- Năm 2016: Công ty cho ra mắt ra dòng sản phẩm đệm bông tinh khiết thế hệ 2. Đây được coi là dòng sản phẩm “Tinh hoa của đỉnh cao chất lượng”, được sản xuất với công nghệ tiên

tiền hơn dòng sản phẩm đệm truyền thống cùng với nguồn nguyên liệu bông hoàn toàn tinh khiết.

- Năm 2018: Công ty cho ra đời dòng sản phẩm chăn ga gối Elegance vào đúng dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập, thương hiệu Sông Hồng đã tung ra thị trường dòng sản phẩm Elegance hoàn toàn mới. Với việc sử dụng chất liệu Micro SH hoàn toàn mới, lần đầu tiên xuất hiện trên thị trường với sợi vải thoáng, mịn, màu sắc sang trọng, trang nhã kết hợp với họa tiết phong phú...

Năm 2017, Công ty đã ký kết thành công hợp đồng bản quyền hình ảnh các nhân vật hoạt hình Disney. Đây cũng là một điểm đặc biệt trong chiến lược kinh doanh của May Sông Hồng khi chú trọng phát triển mảng hàng trẻ em – phân khúc mà các đơn vị khác ít quan tâm tới.

Mặt khác, đội ngũ phát triển của Công ty đang tích cực nghiên cứu với mong muốn năm 2020 sẽ tiếp tục tung ra thị trường dòng sản phẩm đệm thể hệ thứ 3 được áp dụng công nghệ tiên tiến nhất hiện nay.

5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Chất lượng luôn là chiếc chìa khóa vàng trong sự thành công của mọi doanh nghiệp. Đối với Công ty cổ phần May Sông Hồng để trở thành đối tác của các hãng thời trang hàng đầu trên thế giới và những thị trường nổi tiếng khắt khe như Mỹ, EU, Nhật thì chất lượng sản phẩm là tiêu chí mà từng người lao động trong Công ty đều phải đặt lên hàng đầu.

Mọi hoạt động sản xuất của Công ty đều tuân theo quy trình nghiêm ngặt. Theo đó Phòng QA độc lập với các Bộ phận sản xuất và việc kiểm soát chất lượng được thực hiện theo tiêu chuẩn AQL 2.0.

Để Phòng QA hoạt động hiệu quả, Công ty đã xây dựng Sổ tay kỹ thuật chất lượng với đầy đủ quy trình kiểm tra ở tất cả các công đoạn sản xuất, bao gồm:

- Kiểm tra thông tin, tài liệu: để nắm được yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm phục vụ cho quá trình kiểm tra ở các công đoạn sản xuất.
- Kiểm nguyên liệu: Công ty có bộ phận kiểm tra chất lượng tại nhà máy in/nhuộm vải (đối với vải hàng chăn ga gối đặt hàng trong nước) và tất cả nguyên liệu vải đều được kiểm tra 100% trước sản xuất về độ loang màu và độ co;
- Kiểm phụ liệu;
- Kiểm cắt bán thành phẩm;
- Kiểm sản phẩm đầu chuyền;
- Kiểm trên chuyền (In-line);
- Kiểm cuối chuyền;
- Kiểm trước khi nhập kho: 100% sản phẩm đều được dò kim trước khi đóng gói;
- Kiểm tra đóng gói;
- Kiểm tra Pre-Final và Final (Trước và sau khi phúc tra hàng);

- Quy trình kiểm tra chất lượng trong giặt, mài công nghiệp;
- Quy trình kiểm tra chất lượng trong in, thêu, Chần.

Từng quy trình kiểm tra đều được Công ty xây dựng chi tiết và cụ thể đến từng công đoạn với thông tin mô tả chi tiết, yêu cầu kỹ thuật và người chịu trách nhiệm ở mỗi một bước. Các quy trình này được phổ biến và đào tạo cụ thể để tất cả công nhân và người lao động có liên quan đều nắm rõ được vai trò và trách nhiệm của mình cũng như chủ động kiểm soát được chất lượng ở các công đoạn mà mình phụ trách.

Ví dụ như ở Quy trình Kiểm tra Inline (kiểm tra chất lượng công đoạn trên chuyền may) là một trong những quy trình kiểm tra quan trọng nhất trong quá trình đảm bảo chất lượng sản phẩm. Việc kiểm tra công đoạn này nhằm đảm bảo hạn chế tối đa những lỗi trong các công đoạn may – là công đoạn ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng thành phẩm, phát hiện những điểm chưa hợp lý, không đạt chất lượng trong sản xuất, thông tin kịp thời tới các bộ phận liên quan để có phương án xử lý phát sinh nhanh nhất, tránh sai hỏng hàng loạt, ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất trên chuyền may. Thành phẩm không đạt tiêu chuẩn ở quy trình này sẽ không có cơ hội xuất cho Khách hàng và tới được tay người tiêu dùng.

Quy trình kiểm tra chất lượng

Công đoạn kiểm tra	Người thực hiện	Nội dung kiểm tra	Yêu cầu
Bước 1: Chuẩn bị trước sản xuất	Nhân viên Công Nghệ - Bộ phận Kỹ Thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận và nghiên cứu hồ sơ tài liệu, bảng màu do Bộ phận Kỹ thuật cung cấp. - Ban hành tài liệu hướng dẫn từ đầu đến kết thúc mã hàng - Nhận hướng dẫn kiểm tra chất lượng chi tiết công đoạn theo cụm được giao. 	Các bộ phận cung cấp đầy đủ kịp thời trước khi vào chuyền ít nhất 1 ngày.
Bước 2: Kiểm tra độ co, ma sát chà xước vải	Bộ phận Thí nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra độ co 100% cây vải - Kiểm tra độ xước mài mòn của vải 	Dựa trên danh sách nhập vải kiểm tra 100% cây vải đầu vào
Bước 3: Kiểm tra Nguyên liệu, phụ liệu đầu vào	QC kiểm tra nguyên, Phụ liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nguyên liệu: Theo tiêu chuẩn 4 điểm, kiểm tra loang màu - Kiểm tra phụ liệu: theo tiêu chuẩn AQL 1.5 cho nguyên liệu đếm được và tiêu chuẩn 4 điểm cho nguyên liệu không đếm được. Kiểm tra phụ liệu: chỉ, khoá, cúc, móc 	Kiểm tra dựa trên mẫu duyệt của khách hàn, phòng Phát triển và Bộ phận Kỹ Thuật

		cỡ, mác chính, mác sử dụng, tất cả phụ liệu...	
Bước 4: Kiểm tra chất lượng bán thành phẩm	QC cắt	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra bán thành phẩm: vải chính, vải lót, bông, in, thêu, từng chi tiết với mẫu sơ đồ, mẫu dấu trước khi sản xuất. - Kiểm tra chủng loại chỉ cho từng công đoạn. - Kiểm tra sang dấu chi tiết. 	Kiểm tra dựa theo tiêu chuẩn kỹ thuật, đúng chủng loại, đủ thông số, đúng màu, mã hàng, chất lượng cho nguyên phụ liệu trước khi may.
Bước 5: Kiểm tra sản phẩm đầu tiên	Nhân viên Công nghệ theo dõi mã hàng/QA	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tổng thể sản phẩm. - Tiêu chuẩn đường may. - Kích thước, thông số. - Ngoại quan sản phẩm. 	Đúng, chính xác, đủ thông số.
Bước 6: Kiểm tra chi tiết	QC inline	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra chất lượng đường may chắp, mí điều chi tiết. - Kiểm tra mật độ mũi chỉ. - Kiểm tra thông số chi tiết sau máy. - Kiểm tra sau khi lắp ráp thành cụm 	Đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, áo mẫu, đạt chất lượng chi tiết, kiểm tra 5- 10 chi tiết /công đoạn may.
Bước 7: Công đoạn quan trọng	QC inline/Tổ phó	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên kiểm tra chất lượng công đoạn quan trọng đã được nhắc nhở, cấm cờ vàng cho công đoạn quan trọng. - Kiểm tra 100% các công đoạn trong cụm phụ trách. - Đo thông số 20 sản phẩm/4 mốc giờ. - Tiếp nhận chất lượng công đoạn do kỹ thuật chuyên bàn giao. 	Phát hiện lỗi nhanh, chính xác, thông báo kịp cho các bộ phận liên quan xử lý lỗi phát sinh. Kiểm tra 10 Chi tiết/Công đoạn /Mốc giờ.
Bước 8: Kiểm tra chất lượng cuối chuyên	QC endline	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra 100% chất lượng hàng ra chuyên về các tiêu chí đường may, vệ sinh công nghiệp, khóa, cổ, nẹp.... 	Đạt chất lượng theo hướng dẫn kiểm tra chất lượng.
Bước 9: Kiểm tra chất lượng đóng gói	QC packing	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nhãn, mác, quy cách đóng gói, marka thùng... 	Đúng, chính xác, theo bảng màu và mẫu quy cách đóng gói, tài liệu kỹ thuật do Bộ phận kỹ thuật ban hành

Ngoài việc xây dựng và vận hành hệ thống quy trình quản lý chất lượng sản phẩm trong các khâu sản xuất, Công ty còn chú trọng đầu tư các thiết bị với mục đích đảm bảo tối đa tính an toàn cho người sử dụng sản phẩm cũng như tạo môi trường sản xuất, lưu trữ tối ưu nhằm không ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm sản xuất ra như:

- Tất cả Nhà máy đều trang bị thiết bị hút ẩm.
- Tất cả các Khu vực đều trang bị thiết bị test an toàn sản phẩm.

5.8. Hoạt động Marketing

- **Marketing đối với Hàng may mặc xuất khẩu :**

- Hoạt động của Văn phòng Sông Hồng Hồng Kông: nằm ở vị trí trung tâm tài chính của Châu Á, Văn Phòng chịu trách nhiệm tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, Hội chợ tuần lễ thời trang được tổ chức ở Hồng Kông và các khu vực lân cận nhằm quảng bá thương hiệu May Sông Hồng tới các đối tác và kết nối, tìm hiểu các thị trường mới, Khách hàng mới, Nhà cung cấp mới.
- Mặt khác, với việc nằm trong top các Doanh nghiệp lớn Hiệp hội Dệt may Việt Nam, nhiều năm liền là Doanh nghiệp xuất khẩu hàng may mặc uy tín và được cấp chứng chỉ Better Work, WRAP, May Sông Hồng hoàn toàn tự tin khi trực tiếp tiếp cận chào hàng các Khách hàng lớn.
- Định kỳ, Công ty tổ chức Hội nghị gặp gỡ các Khách hàng, đối tác cung cấp tại Hồng Kông nhằm tạo mối quan hệ gắn kết giữa các bên cũng như trao đổi cập nhật thông tin về công nghệ mới, xu thế mới của ngành.

- **Marketing đối với Hàng chăn ga gối đệm:**

Kênh phân phối Chăn ga gối đệm May Sông Hồng trải rộng khắp cả nước với 2 Đại lý phân phối lớn tại Hà Nội - Thành Phố Hồ Chí Minh và khoảng 70 đại lý cấp 1 tại các tỉnh thành, trên 300 showroom chính thức do công ty đầu tư và hàng nghìn đại lý cấp dưới.

Để phát triển hệ thống bán hàng tại các tỉnh, May Sông Hồng Sông Hồng cùng với đại lý cấp 1 đưa ra tiêu chuẩn đánh giá chặt chẽ, quy định về việc chống hàng giả, bảo vệ thương hiệu trước khi cấp quyền phân phối. Mỗi cửa hàng có bán sản phẩm chăn ga gối đệm May Sông Hồng đều được đầu tư biển hiệu có logo nhận diện thương hiệu May Sông Hồng. Có thể nói đi trên các con phố lớn hay các vùng quê, người tiêu dùng dễ dàng bắt gặp hình ảnh logo thương hiệu Sông Hồng đang cuộn sóng.

Mặt khác, để quảng bá sản phẩm và đẩy mạnh tiêu thụ, Công ty luôn chú trọng đẩy mạnh các hoạt động marketing gồm:

- Chương trình thúc đẩy bán sản phẩm mới: khuyến mại tặng kèm sản phẩm, bán hàng ký gửi, bán hàng trả chậm.
- Chương trình hỗ trợ bán hàng: Chương trình quảng cáo trên Tivi, báo chí, phương tiện truyền thông công cộng, tài liệu bán hàng...:

- + Lựa chọn cách thức truyền thông phù hợp với từng đối tượng.
- + Tài trợ một số chương trình truyền hình có ý nghĩa nhân văn mang tính gắn kết gia đình, phù hợp với tiêu chí của Công ty như Chương trình Bốn mùa yêu thương.

5.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của công ty



Logo của Công ty đã được đăng ký bảo hộ nhân hiệu thương mại tại Cục sở hữu trí tuệ với thời hạn bảo hộ đến năm 2020

Tầm nhìn

Sông Hồng mong muốn trở thành một nhà cung cấp sản phẩm dệt may thời trang lớn và có uy tín trong chuỗi cung ứng hàng dệt may trên toàn cầu.

Sứ mệnh

Sông Hồng không ngừng tìm tòi định hướng phát triển chiến lược để phù hợp với xu thế cung ứng hàng dệt may thời trang trên thế giới và đầu tư thích ứng để bắt kịp và trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành.

5.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 10. Danh sách các hợp đồng bán hàng đã thực hiện và ký kết năm 2017

ST T	Tên khách hàng	Ngày ký hợp đồng	Ngày hết hạn hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Nội dung	Thị trường xuất khẩu
1	APPAREL TECH CO., Ltd	25.06.2016	31.12.2017	2,5 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	Seoul, Korea
2	BUGATTI GmbH	01.01.2017	01.10.2017	3,7 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	Germany
3	COLUMBIA SPORTWEAR COMPANY	10.03.2016	09.03.2017	22 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	USA
4	G-III APPAREL GROUP, LTD	03.1.2017	08.03.2018	12 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	New York
5	THE GAP, INC.	06.02.2017	28.02.2018	10,5 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	USA (San Francisco)
6	GIM COMPANY (HK)	12.01.2017	12.01.2018	3,7 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	Hongkong
7	THE HADDAD APPAREL GROUP, Ltd	21.10.2016	31.12.2017	7,9 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	USA
8	Missy Fashion Apprael limited	03.02.2017	31.12.2018	1,8 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	Hongkong
9	NEW YORK & COMPANY	05.01.2017	05.01.2018	22 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	USA
10	SAE-A TRADING CO., LTD	01.07.2016	31.12.2017	32,7 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	Seoul, Korea

(Nguồn: Công ty Cổ phần May Sông Hồng)

Bảng 11. Danh sách các hợp đồng đã ký và đang thực hiện năm 2018

ST T	Tên khách hàng	Ngày ký hợp đồng	Ngày hết hạn hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Nội dung	Thị trường xuất khẩu
1	APPAREL TECH CO., Ltd	02.01.2018	31.12.2018	2,5 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	Seoul, Korea
2	BUGATTI GmbH	01.10.2017	31.12.2018	3,7 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	Germany
3	COLUMBIA SPORTWEAR COMPANY	10.03.2018	09.03.2018	28 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	USA
4	G-III APPAREL GROUP, LTD	07.03.2018	07.01.2019	19 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	New York
5	THE GAP, INC.	01.03.2018	28.02.2019	7 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	USA (San Francisco)
6	GIM (HK) COMPANY	05.01.2018	31.12.2018	4 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	Hongkong
7	THE HADDAD APPAREL GROUP, Ltd	05.12.2017	31.12.2018	29 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	USA
8	HANSAE CO, LTD	24.07.2018	31.12.2019		Xuất khẩu hàng may mặc	Seoul, Korea
9	Missy Fashion Apprael limited	02.01.2018	31.12.2018	2,5 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	Hongkong
10	NEW YORK & COMPANY	05.01.2018	05.01.2019	22 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	USA
11	SAE-A TRADING CO., LTD	02.01.2018	31.12.2018	26 triệu USD	Xuất khẩu hàng may mặc	Seoul, Korea

(Nguồn: Công ty Cổ phần May Sông Hồng)

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 12. Các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tăng giảm (%)	9 tháng đầu năm 2018
1	Tổng giá trị tài sản	2.192.209.855.200	2.380.599.642.269	8,59	2.584.214.863.746
2	Vốn chủ sở hữu	653.305.230.138	755.174.728.756	15,59	1.027.668.635.231
3	Doanh thu thuần	2.992.079.577.567	3.281.886.259.862	9,69	2.985.438.080.801
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	217.434.202.385	233.568.786.655	7,42	335.175.431.521
5	Lợi nhuận khác	(3.096.639.356)	(2.269.178.723)	-	290.299.908
6	Lợi nhuận trước thuế	214.337.563.029	231.299.607.932	7,91	335.465.731.429
7	Lợi nhuận sau thuế	184.908.703.450	200.386.460.183	8,37	273.168.693.492
8	Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá	45%	45%	-	-
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	55,2%	53,48%	-	-
10	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên VCSH bình quân	29,21%	28,45%	-	30,64%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC Quý III/2018)

Kết quả kinh doanh năm 2017 của Công ty so với năm 2016 tăng khá đồng đều giữa các chỉ tiêu. Trong đó vốn chủ sở hữu có tốc độ tăng cao hơn tài sản do trong năm 2017 Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ để bổ sung vốn lưu động.

Năm 2017, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ tăng nhẹ so với năm 2016 do Khu vực sản xuất Nghĩa Hưng (hoạt động từ năm 2016) mới bắt đầu đi vào quỹ đạo, lượng hàng nhận thêm đưa vào sản xuất của khu vực này vẫn còn hạn chế.

Sau 9 tháng đầu năm 2018, Khu vực sản xuất Nghĩa Hưng đã hoạt động sản xuất theo đúng năng suất đồng thời do gia tăng sự chuyển dịch cơ cấu sản xuất giữa FOB và CMT dẫn tới Doanh thu thuần đã đạt 90,97% và lợi nhuận thuần đạt 136,32% so với số liệu cả năm 2017. Quy mô vốn tính đến tháng 9/2018 tăng do tháng 6 năm 2018 Công ty đã thực hiện tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 1:1, đồng thời phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế 9 tháng đầu năm 2018 khá cao dẫn tới vốn chủ sở hữu của công ty tăng mạnh.

Trong đó Khoản mục Lợi nhuận khác năm 2016, 2017 âm nguyên nhân chủ yếu do phát sinh chi phí tiêu hủy nguyên vật liệu, thành phẩm theo yêu cầu của Khách hàng*.

**(Đây là nguyên vật liệu dư và một số thành phẩm không đạt tiêu chuẩn KCS tồn kho từ các năm để lại. Theo quy định, nguyên vật liệu, thành phẩm này không được tiêu thụ ra thị trường do đó Công ty phải thực hiện tiêu hủy.)*

6.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Thuận lợi

- Kinh tế Việt Nam và thế giới đã có nhiều khởi sắc. Dân số tăng lên dẫn đến nhu cầu về hàng Dệt May cũng tăng lên.
- May Sông Hồng là một thương hiệu uy tín được đánh giá cao bởi khách hàng. Công ty vẫn luôn chú trọng trong việc cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ với phương châm lấy chữ tín làm đầu. Hiện Công ty là một trong số ít đơn vị trong ngành có thể sản xuất theo phương thức FOB với quy mô lớn.
- Bộ máy quản lý của công ty ổn định, điều hành hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả cao. Đội ngũ CBCNV năng động, có trình độ chuyên môn, giàu kinh nghiệm và gắn bó lâu năm.

Khó khăn

- Công ty cũng như nhiều doanh nghiệp Việt Nam khác đang phải đối mặt với nhiều thách thức từ việc tăng chi phí quản lý, chi phí tiền lương và bảo hiểm, năng suất lao động khó có thể tăng đột biến so với chi phí.
- Sự cạnh tranh về nguồn nhân lực với các doanh nghiệp mới trên cùng địa bàn đang ngày càng trở thành sự thách thức lớn hơn, đòi hỏi công ty phải quản trị hiệu quả, giảm thời gian làm việc, tăng thu nhập cho công nhân, trong bối cảnh giá cả ngày một cạnh tranh, chất lượng nguyên phụ liệu đầu vào luôn không ổn định dẫn đến phát sinh nhiều chi phí quản lý hơn.
- Sự cạnh tranh gay gắt từ các nước có ngành may mặc xuất khẩu phát triển khác như Trung Quốc, Ấn Độ... là những nước có nhiều lợi thế hơn về thị trường, nguyên phụ liệu... đe dọa thị trường xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam.
- Rào cản thương mại tại các thị trường lớn đang được áp dụng ngày càng tinh vi gây khó khăn cho hoạt động sản xuất và lợi nhuận của công ty.

6.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động kinh doanh

- Để đạt được kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định từ năm 2016 đến nay, Công ty đã tập trung khai thác những Khách hàng lớn, với những đơn hàng dài và ổn định; hạn chế tiếp nhận những đơn hàng nhỏ lẻ.
- Việc tiêu thụ sản phẩm chăn ga gối đệm chịu tác động nhiều từ tình hình thời tiết mùa đông của Miền bắc. Do đó Công ty chủ động theo dõi diễn biến cụ thể từ đó có biện pháp đẩy mạnh hoạt động sản xuất và phân phối mảng sản phẩm này vào các thời điểm mùa vụ.

Hoạt động sản xuất

- Chú trọng đào tạo công nhân viên nắm vững quy trình tác nghiệp đối với từng mã hàng trước khi đưa vào sản xuất.
- Tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất ở tất cả các công đoạn theo đúng quy trình sản xuất của từng mã hàng, bảo đảm chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của Khách hàng. Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm trong SXKD và công tác quản lý.
- Thực hiện nghiêm túc hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị để đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động an toàn, sản xuất liên tục thông suốt, cung cấp đầy đủ và kịp thời cho Khách hàng.

Hệ thống quản lý

- Hệ thống quản lý được phân quyền cụ thể và chi tiết: Công ty thực hiện mô hình giao khoán sản xuất tới từng Khu vực, theo đó các Khu vực có trách nhiệm trực tiếp quản lý sản xuất nhằm hoàn thành kế hoạch đã đề ra của toàn Công ty.
- Chỉ đạo Bộ phận đánh giá nhà máy thường xuyên thực hiện các chương trình đánh giá nhằm đảm bảo các Nhà máy duy trì được yêu cầu của các Chứng chỉ đã đạt được (Better Work, WRAP, CT-PA).

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của công ty trong ngành

Doanh nghiệp may xuất khẩu uy tín

Công ty cổ phần May Sông Hồng là một trong những Công ty may mặc hàng đầu tại Việt Nam và là Công ty đi đầu ngành tại khu vực phía Bắc. Chất lượng sản phẩm của Công ty đã được khẳng định tại thị trường trong nước cũng như quốc tế.

Bằng chất lượng sản phẩm và uy tín trên thị trường xuất khẩu trong nhiều năm qua, Công ty cổ phần May Sông Hồng được nhiều khách hàng quốc tế biết đến, chủ động tìm gặp đi đến ký kết hợp đồng. Các Khách hàng quốc tế hiện nay của Công ty hầu hết đều đánh giá cao khi làm việc với Công ty, thậm chí chấp nhận mức giá cao hơn khi làm việc cùng May Sông Hồng do Công ty đã đáp ứng được những yêu cầu khắt khe của đối tác, đồng thời luôn hoàn thành sản phẩm theo đúng tiến độ đã cam kết.

Đặc biệt một số mảng sản xuất đặc biệt của Công ty có uy tín như:

Về bông: Sản phẩm bông (bao gồm Bông tấm/gòn, Bông nhồi, Bông hạt) của Công ty đang được cung cấp cho các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới như: Columbia Sportware, Gap Inc., Bugatti, Mango, Zara, Kohl's, C&A... nhằm chủ động phục vụ phụ trợ cho các đơn hàng may mặc sản xuất tại Công ty.

Việt Nam thực hiện cung cấp bông cho các nhà máy may tại các nước như Đức, Myanmar, Indonesia, Bangladesh... để sản xuất hàng may mang thương hiệu Bugatti.

Về mảng in thêu – chần (phụ trợ cho các đơn hàng may xuất khẩu): Hiện nay Công ty đang in cho các khách hàng nổi tiếng như: Nike, Levi's, Hurley, Jordan, Converse, Columbia, Tommy... Đặc biệt Sông Hồng là đơn vị duy nhất đến thời điểm này tại khu vực phía Bắc được khách hàng Levi's cấp phép cho in các đơn hàng của Levi's.

Thương hiệu chần ga gối đệm hàng đầu Việt Nam

Là thương hiệu chần ga gối đệm lâu năm tại thị trường Việt Nam ra đời vào năm 2001, trải qua quá trình phát triển, May Sông Hồng đã khẳng định tên tuổi của mình trên thị trường. Thương hiệu Sông Hồng còn nổi tiếng với dòng đệm bông tinh khiết kháng khuẩn, an toàn cho sức khỏe người dùng ở mọi lứa tuổi, kể cả trẻ em. Bên cạnh đó, chần ga gối thương hiệu Sông Hồng được làm từ chất liệu tự nhiên cotton 100% và vải telcel mềm mịn, thấm mồ hôi tốt, là lựa chọn hàng đầu cho các gia đình Việt Nam. Thiết kế chần ga gối đệm Sông Hồng thường rất gần gũi với đời sống của người Việt, đơn giản nhưng không kém phần sang trọng. Mức giá của các sản phẩm chần ga gối đệm Sông Hồng tương đối phù hợp với thu nhập của khách hàng.

Hiện nay, các sản phẩm chần ga gối đệm của Sông Hồng đang cạnh tranh với các thương hiệu như Everon, Mặc dù cùng sản phẩm chần ga gối đệm, nhưng thị phần của May Sông Hồng chủ yếu tập trung Miền Bắc, trong khi đó Everon phân phối rộng toàn quốc. Trong tương lai, May Sông Hồng sẽ tập trung nghiên cứu thị trường và phát triển sản phẩm để đẩy mạnh thị phần trên khắp cả nước.

Năm 2017, Công ty được vinh danh top 8 Doanh nghiệp ngành may lớn nhất Việt Nam và top 5 doanh nghiệp tư nhân thuộc ngành may lớn nhất Việt Nam trong Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Hiện tại, ngành may mặc Việt Nam vẫn chủ yếu hoạt động ở khâu may sản xuất, trong đó chủ yếu là gia công cho các thương hiệu và nhà phân phối trên thế giới. Muốn thâm nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu thì các doanh nghiệp cần phải bắt đầu sản xuất dưới dạng FOB, ODM.

Tuy nhiên trong phân khúc May thì ngành may mặc Việt Nam có triển vọng tăng trưởng khả quan và đồng thời vẫn là ngành xuất khẩu chủ lực của nước ta trong thời gian sắp tới.

Thứ nhất, Việt Nam là một trong những nước có mức lương trung bình cho lao động thấp trong khu vực ASEAN. Cơ cấu lao động trẻ, đa số trong độ tuổi từ 18-60 tuổi. Đây là lợi thế cạnh tranh lớn cho ngành may mặc Việt Nam phát triển trong những năm tiếp theo. Các sản phẩm may mặc của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu may mặc của Việt Nam tăng đều qua các năm và trở thành một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của cả nước.

Theo Bộ Công Thương, trong năm 2017 bên cạnh đưa hàng may mặc vào các thị trường truyền thống như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc, các doanh nghiệp Việt Nam đã thành công trong việc phát triển mở rộng sang các thị trường mới như Angola, Thái Lan, Nga...

Thứ hai, ngành dệt may có nhiều cơ hội, triển vọng phát triển và mở rộng thị trường do có hiệu ứng của các Hiệp định thương mại tự do.

Thị trường	FTA	Tình trạng	Yêu cầu xuất xứ	Sản phẩm	Thuế nhập khẩu từ Việt Nam	Thuế nhập khẩu từ Trung Quốc
Mỹ	Hiệp định thương mại Việt Mỹ	Hiệu lực từ 2001		Sợi May mặc	10%	10%
Châu Âu	EVFTA	Hiệu lực dự kiến từ 2018	Từ vải trở đi	Sợi May mặc	0%	4%
Nhật	VJEPA	Hiệu lực từ 1/10/2009	Xuất xứ “hai công đoạn”	Sợi May mặc	0%	5%
Hàn Quốc	VKFTA	Hiệu lực từ 20/12/2015		Sợi May mặc	0%	8%
11 quốc gia thành viên	CPTPP	Đã ký từ 9/3/2018, chưa có hiệu lực	Từ sợi Trở đi		Lộ trình cắt giảm thuế về 0%	Giữ nguyên đối với từng quốc gia thành viên

(Nguồn: Tổng hợp)

Về tiềm năng của CPTPP, Ngày 12/11, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết phê chuẩn Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cùng các văn kiện liên quan. Với việc đã có 7/11 nước thành viên phê chuẩn, CPTPP dự kiến sẽ sớm có hiệu lực ngay từ cuối tháng 12/2018.

Một trong những nội dung quan trọng của CPTPP được đánh giá thuận lợi cho ngành may mặc Việt Nam là CPTPP việc từng bước xóa bỏ từ 95 - 98% các dòng thuế quan ngay khi hiệp định chính thức có hiệu lực, các dòng thuế còn lại sẽ được cắt giảm theo lộ trình 5 - 7 năm. Đây được xem là yếu tố tác động tích cực đến sự phát triển và kim ngạch xuất khẩu của dệt may khi lộ trình cắt giảm thuế về 0% đối với thuế nhập khẩu hàng sản xuất từ Việt Nam. Điều này xuất phát từ ưu điểm CPTPP có cơ chế linh hoạt hơn như có ít các yêu cầu về nguồn gốc xuất xứ. CPTPP áp dụng quy định về nguồn gốc sợi, một số sản phẩm cụ thể sử dụng nguyên liệu nhập khẩu từ các nước ngoài CPTPP vẫn có thể hưởng mức thuế ưu đãi (187 loại vải và sợi không có trong các nước CPTPP có thể được nhập khẩu từ nước khác để dùng cho sản xuất hàng may mặc). Tuy nhiên, mặc dù đây là điểm thuận lợi nhưng cũng là khó khăn đối với ngành Dệt may nước nhà khi năng lực sản xuất sợi và vải của Việt Nam còn nhiều hạn chế, phần lớn các đơn hàng may xuất khẩu đều sử dụng nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc. Mặt khác, hiện nay cơ chế chứng minh xuất xứ còn chưa rõ ràng sẽ gây vướng mắc trong quá trình triển khai.

Đối với May Sông Hồng, thị trường xuất khẩu hiện tại và một vài năm tới vẫn chủ yếu là Mỹ và một số nước EU nên theo đánh giá của Ban lãnh đạo khi hiệp định CPTPP có hiệu lực không có tác động nhiều tới hoạt động sản xuất của Công ty.

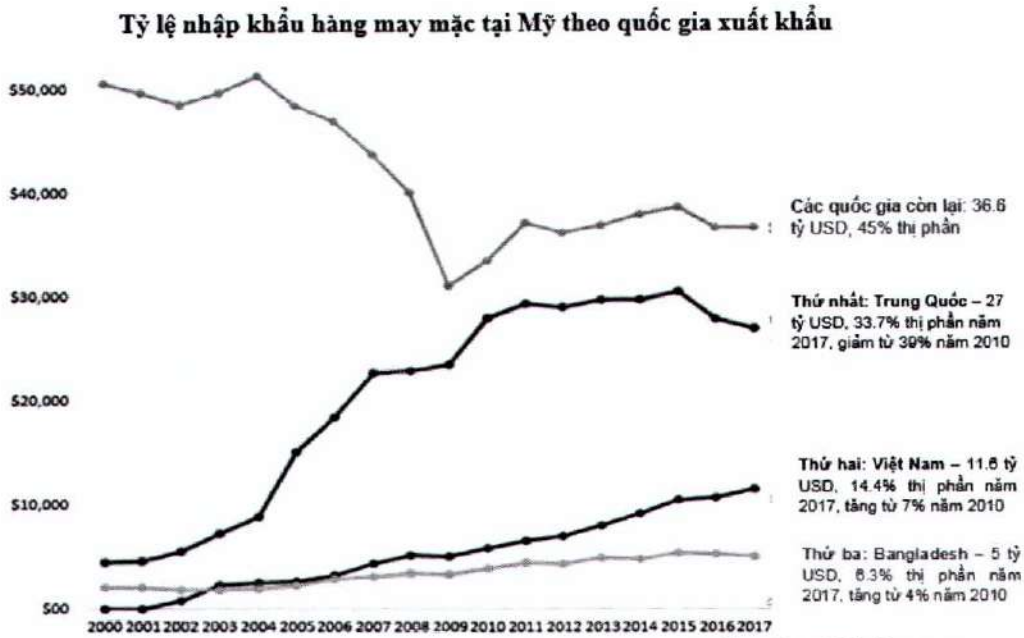
Triển vọng về việc ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA): EVFTA là một yếu tố quan trọng để thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam - EU, giúp mở rộng hơn nữa thị trường cho hàng xuất khẩu, đặc biệt là những sản phẩm mà Việt Nam có thể mạnh như may

mặc. Theo hiệp định, hai bên sẽ xóa bỏ hơn 99% số dòng thuế nhập khẩu theo nguyên tắc 7/10 (EU sẽ xóa bỏ toàn bộ thuế nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam tối đa trong 7 năm theo các lộ trình xóa bỏ ngay, xóa bỏ sau 3 năm, sau 5 năm và 7 năm. Việt Nam sẽ xóa bỏ hoàn toàn sau 10 năm với các lộ trình xóa bỏ ngay, xóa bỏ sau 3 năm, sau 5 năm, sau 7 năm và sau 10 năm). Với một số dòng thuế còn lại, hai bên sẽ áp dụng hạn ngạch thuế quan hoặc cắt giảm thuế quan một phần. Đây có thể coi là những ưu đãi về thuế cao nhất mà Việt Nam đạt được trong các Hiệp định FTA đã được ký kết từ trước tới nay. Do đó, triển vọng mở rộng thị trường xuất khẩu của các doanh nghiệp may mặc Việt Nam trong thời gian tới rất sáng sủa.

Thứ ba, Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.

Quy mô thị trường nhập khẩu may mặc Mỹ năm 2017 đạt 80 tỷ USD, trong đó kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam đạt 11.6 tỷ USD (chiếm hơn 14%), chỉ đứng sau Trung Quốc (chiếm 33,7% thị phần).

Trong giai đoạn 2011 – 2017, tỷ trọng hàng may mặc nhập khẩu từ Trung Quốc đã có xu hướng giảm.



Nguồn: ITC, FPTIS tổng hợp

Sang năm 2018, Chiến tranh thương mại giữa Trung Quốc và Mỹ khởi đầu vào ngày 22/3. Theo đó Mỹ áp dụng mức thuế 50 tỷ USD cho hàng hóa Trung Quốc để ngăn chặn những gì Mỹ cho là hành vi thương mại không công bằng và hành vi trộm cắp tài sản trí tuệ.

Ngày 24/9/2018, Mỹ đã phê chuẩn áp thuế nhập khẩu đợt mới, lớn nhất từ trước tới nay đối với lượng hàng hóa Trung Quốc trị giá tổng cộng 200 tỉ USD. Theo đó Mỹ sẽ tăng thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng dệt may từ Trung Quốc. Đây sẽ tạo cơ hội tốt cho các doanh nghiệp Việt Nam gia tăng thị phần xuất khẩu sang Mỹ do các đơn hàng nhiều khả năng sẽ chuyển dịch sang các nước khác.

7.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

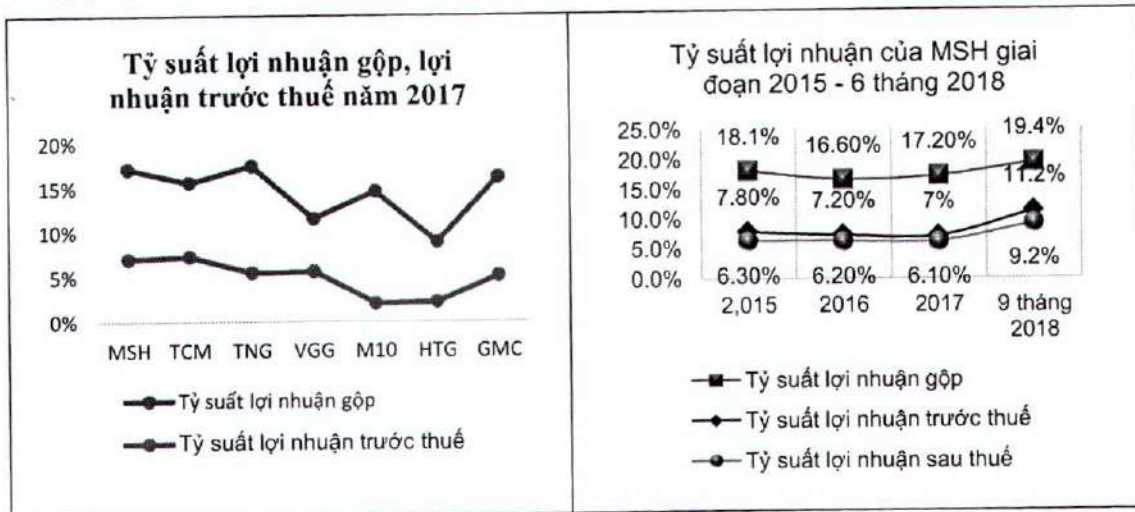
Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Công ty	Mã CK	Vốn chủ sở hữu		Tổng Tài sản		Doanh thu thuần		Lợi nhuận gộp năm 2017		Lợi nhuận gộp 6 tháng đầu năm 2018	
			31/12/2017	30/6/2018	31/12/2017	30/6/2018	31/12/2017	30/6/2018	Giá trị	Tỷ suất LNG (%)	Giá trị	Tỷ suất LNG (%)
1	Tổng CTCP May Việt Tiến	VGG	1.451.743	1.630.879	4.249.750	4.903.305	8.451.890	4.611.796	987.616	11,69%	528.518	11,46%
2	Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ	HTG	437.632	414.215	1.961.705	2.109.487	3.875.486	2.144.991	345.249	8,91%	184.617	8,61%
3	CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	TCM	1.071.618	1.132.727	3.035.382	3.066.435	3.209.071	1.648.373	502.881	15,67%	291.324	17,67%
4	Tổng Công ty May 10 - CTCP	M10	369.133	344.843	1.364.529	1.436.627	3.028.007	1.269.484	443.800	14,66%	205.508	16,19%
5	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	TNG	629.267	680.962	2.225.690	2.878.251	2.488.607	1.486.569	437.019	17,56%	249.271	16,77%
6	CTCP Sản xuất Thương mại May Sài Gòn	GMC	294.730	312.879	980.284	1.122.452	1.605.048	886.477	260.982	16,26%	137.632	15,53%
7	CTCP May Sông Hồng	MSH	755.220	899.081	2.380.600	2.485.003	3.281.886	1.749.915	563.976	17,18%	337.838	19,31%

(Tổng hợp từ BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2018 Công ty hợp nhất của các Công ty)

So sánh với các doanh nghiệp hoạt động chính trong mảng may (FOB, CMT), năm 2017 May Sông Hồng là doanh nghiệp có quy mô doanh thu lớn thứ 3 sau Tổng Công ty May Việt Tiến (VGG) và Tổng Công ty Dệt may Hòa Thọ (HTG). Tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận gộp của May Sông Hồng lại vượt trội hơn VGG và HTG, đạt mức 17,2% (chỉ thấp hơn so với TNG – 17,54%).

Tỷ suất lợi nhuận của Công ty trong năm giai đoạn 2015 – 2017 có xu hướng giảm dần, tuy nhiên kết quả 6 tháng đầu năm 2018 ghi nhận các dấu hiệu tích cực hơn. Nguyên nhân đến từ (1) Việc chuyển đổi từ mảng CMT sang FOB – là mảng kinh doanh có tỷ suất lợi nhuận cao hơn (2) Kiểm soát được mức hao phí nguyên vật liệu nhờ việc quản trị tốt.



ROE, ROA của May Sông Hồng cao và ổn định trong ngành:

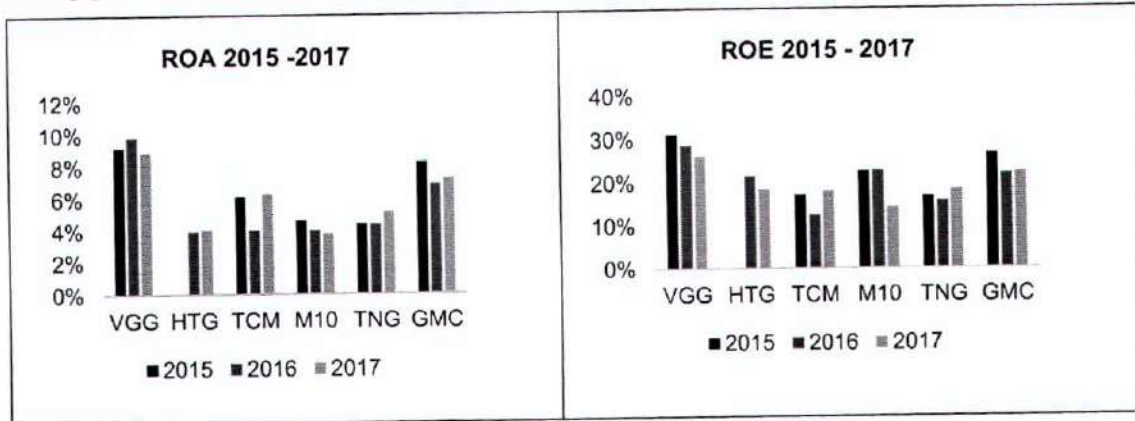
Bảng chỉ tiêu ROE và ROA của các doanh nghiệp

TT	Mã CK	ROE			ROA		
		31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
1	VGG	31,12%	28,63%	26,06%	9,20%	9,83%	8,90%
2	HTG	0,00%	21,38%	18,25%	0,00%	3,96%	4,07%
3	TCM	17,14%	12,48%	17,90%	6,12%	4,05%	6,32%
4	M10	22,51%	22,68%	14,10%	4,63%	4,04%	3,81%
5	TNG	16,66%	15,58%	18,28%	4,42%	4,40%	5,17%
6	GMC	26,50%	21,90%	22,29%	8,24%	6,90%	7,23%
7	MSH	26,07%	28,30%	26,53%	8,31%	8,43%	8,42%

(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC hợp nhất năm 2016, 2017 của các Công ty

ROE, ROA của MSH đứng thứ 3 trong ngành và ổn định qua các năm. Năm 2017, ROE của MSH đạt 26,53%, cao nhất trong nhóm các doanh nghiệp được so sánh. Các nhóm doanh nghiệp may khác như TCM, HTG, TNG đều có ROE ở mức quanh 18%. VGG và MSH có mức tỷ suất

sinh lời trên vốn chủ sở hữu cao hơn, ở mức 26,06%, 26,53%. Trong khi ROE của VGG có xu hướng giảm thì MSH luôn giữ ở mức tương đối ổn định trong giai đoạn 2015 – 2017.



Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển ngành may mặc Việt Nam

Với quan điểm phát triển ngành dệt may phải gắn với bảo vệ môi trường và xu thế dịch chuyển lao động nông nghiệp, nông thôn; chuyển mạnh sản xuất từ gia công sang mua nguyên liệu, bán thành phẩm, đảm bảo nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu và lấy xuất khẩu làm phương thức cơ sở cho sự phát triển của ngành..., Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 3218/QĐ-BCT phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Quy hoạch xây dựng mục tiêu phát triển ngành dệt may trở thành “một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn, hướng về xuất khẩu và có khả năng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước ngày càng cao; tạo nhiều việc làm cho xã hội” và đến năm 2020 sẽ xây dựng được một số thương hiệu nổi tiếng của Việt Nam. Đến năm 2015, ngành dệt chiếm tỷ trọng 45%, ngành may chiếm tỷ trọng 55%; năm 2020, tỷ trọng ngành dệt tăng lên 47%, ngành may giảm còn 53%; năm 2030, ngành dệt tăng lên 49%, ngành may còn 51% trong toàn bộ cơ cấu ngành dệt may.

Quy hoạch định hướng phát triển các sản phẩm, lĩnh vực quan trọng như sau:

Thứ nhất: tăng cường cho ngành may xuất khẩu để tận dụng cơ hội thị trường

- Đa dạng hóa và nâng cao đẳng cấp mặt hàng may mặc, phát triển các mặt hàng có giá trị gia tăng cao;
- Nâng cao năng lực của các doanh nghiệp trong dịch chuyển phương thức sản xuất kinh doanh: từ hình thức gia công từ khâu đầu đến khâu cuối (CM) sang các hình thức khác như gia công từng phần (OEM), mua nguyên liệu - sản xuất - bán thành phẩm (FOB) hoặc thiết kế - sản xuất - cung cấp sản phẩm và dịch vụ liên quan (ODM), tiến tới sản xuất sản phẩm với thương hiệu riêng (OBM);
- Nâng cao năng suất lao động, nâng cao năng lực trong quản lý doanh nghiệp, thiết kế mẫu, quản lý chất lượng, xúc tiến thương mại;
- Dịch chuyển sản xuất may mặc từ các thành phố lớn về các địa phương có nguồn lao động và thuận lợi giao thông.

Thứ hai: xây dựng Chương trình sản xuất vải phục vụ xuất khẩu phát triển các sản phẩm dệt kỹ thuật, sản phẩm dệt phục vụ y tế

Thứ ba: phát triển nguồn nguyên liệu xơ bông, các loại cây có xơ sợi, xơ sợi nhân tạo và phụ liệu

Bên cạnh việc đề ra định hướng phát triển, Bộ Công thương cũng có các chỉ đạo cụ thể và đồng bộ về các mặt: Cơ quan quản lý Nhà nước, đầu tư, quản lý ngành, phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ cũng như tài chính nhằm tạo điều kiện tối đa cho ngành may mặc, trong đó đặc biệt là các giải pháp liên quan đến nhóm ngành may mặc gia công xuất khẩu như:

- Tập trung khả năng và cơ hội đàm phán mở rộng thị trường may mặc, tăng cường vai trò của các đại diện thương mại tại nước ngoài, xây dựng chiến lược xúc tiến thương mại phù hợp với các nhà bán lẻ, các nhà mua hàng quốc tế;
- Đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan, xuất nhập khẩu theo hướng đơn giản hóa các thủ tục; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, trốn thuế;
- Tăng cường công tác phổ biến pháp luật thương mại quốc tế giúp các doanh nghiệp vượt qua các rào cản của các nước nhập khẩu;
- Các doanh nghiệp trong ngành may mặc: cần đổi mới phương thức tiếp thị xuất khẩu, quan tâm đến việc xây dựng, quảng bá thương hiệu, hình ảnh của ngành may mặc Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Định hướng phát triển của Công ty

Căn cứ vào tình hình nội tại của Công ty và các định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và nhằm nâng cao vị thế của May Sông Hồng, Ban lãnh đạo định hướng phát triển như sau:

- May mặc vẫn vai trò chủ đạo, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các mảng phụ trợ như giặt, in, thêu – chần...
- Thị trường xuất khẩu vẫn là chính, trong đó dần chuyển dịch doanh thu hàng gia công sang hàng FOB, tìm cách cân bằng giữa các thị trường để tránh phụ thuộc quá nhiều vào thị trường Mỹ.
- Tăng năng lực sản xuất của khu vực hàng nội địa nhằm đẩy mạnh phục vụ thị trường trong nước với hơn 90 triệu dân.

Định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp và sẽ tận dụng được tối đa những ưu đãi của Chính phủ đối với ngành may mặc. Trong đó, đáng chú ý nhất là việc Công ty sẽ tăng dần tỷ trọng nhóm hàng gia công có tỷ suất lợi nhuận cao (từ CMT sang FOB và tiến tới là ODM, OBM).

8. Chính sách đối với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty Cổ phần May Sông Hồng đã xây dựng và phát triển chế độ lao động, chính sách ưu đãi hợp lý đối với người lao động.

8.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 30 tháng 09 năm 2018, tổng số CBCNV toàn Công ty là: 9.746 lao động, cụ thể:

Bảng 13. Số lượng lao động của Công ty

STT	Trình độ lao động	Số lượng	Tỷ lệ
1	Trình độ trên Đại học	6	0,06%
2	Trình độ Đại học	246	2,52%
3	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	798	8,19%
4	Lao động phổ thông	8.696	89,23%
	Tổng cộng	9.746	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần May Sông Hồng)

8.2. Chính sách lao động

- **Chính sách tuyển dụng**

Với mục tiêu góp phần tạo công văn việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, Công ty có chính sách ưu tiên tuyển dụng nhân sự gần nơi làm việc. Đối với chức danh công việc cần chuyên môn nghiệp vụ Công ty tiến hành tổ chức thi tuyển, phỏng vấn và đối với công nhân lao động trực tiếp, việc tuyển dụng thông qua việc xem xét văn bằng chứng chỉ nghề không qua thi tuyển, phỏng vấn.

- **Chính sách đào tạo**

Các ứng viên được tuyển dụng sẽ được Phòng Tổ chức kết hợp cùng các bộ phận trong công ty tiến hành đào tạo.

Đối với người lao động mới, chưa có tay nghề sẽ được đào tạo từ đầu. Sau đó, người lao động trải qua quá trình học việc (có lương) trước khi ký hợp đồng chính thức.

Đối với cán bộ nhân viên: Công ty thực hiện hỗ trợ cử đi học, thanh toán tiền đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

- **Chế độ làm việc.**

Thời gian làm việc: Từ thứ 2 tới thứ 7 hàng tuần, ngày công nhân 9 tiếng 30 phút/ ngày (từ 7h đến 17h30, nghỉ trưa 1 tiếng), nhân viên văn phòng 8 tiếng 45 phút/ngày (từ 7h đến 17h, nghỉ trưa 1 tiếng 15 phút)

Thời gian làm thêm giờ:

- Không quá 2 giờ trong 1 ngày, 12 giờ trong 1 tuần và 300 giờ trong 1 năm.
- Thủ tục làm thêm giờ theo đúng quy định của bộ luật lao động và hoàn toàn tự nguyện, trường hợp bất khả kháng, nếu phải đi làm vào ngày chủ nhật để kịp tiến độ giao hàng thì sẽ được nghỉ bù vào một ngày khác của tuần tiếp theo.

- Trường hợp nhà máy bị thiên tai, hỏa hoạn... Tổng Giám đốc được quyền huy động CBCNV phải có mặt tại công ty để sẵn sàng đối phó với những tình huống xấu xảy ra.

Thời gian nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ hiếu hi, nghỉ phép, nghỉ ốm, không lương: Công ty thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động.

Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế: Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động.

• **Quy chế lương, thưởng, phúc lợi của Công ty**

Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu khuyến khích người lao động nhất là lao động có chuyên môn và nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty.

Thưởng: căn cứ tình hình kinh doanh và để ghi nhận sự đóng góp của mỗi CBCNV trong năm, CBCNV đáp ứng điều kiện theo quy định (đã ký Hợp đồng lao động chính thức, đã làm việc tối thiểu 3 tháng liên tục tại Công ty tính đến ngày 31/12 của năm, đạt chỉ tiêu đào tạo,) sẽ được thưởng lương tháng 13, 14 tính theo số tháng làm việc thực tế tại Công ty trong năm.

Chính sách phúc lợi khác

Một số chính sách ưu đãi đối với Cán bộ công nhân viên:

- Tất cả các CBCNV hiện đang làm việc trực tiếp tại các xưởng sản xuất quê ở xa, hiện đang nghỉ trọ tại thành phố (kể cả trọ nhà họ hàng, anh chị...) đều được Công ty hỗ trợ kinh phí là 25.000 đồng/người/tháng và xưởng hỗ trợ 10.000 đồng/người/tháng (tổng: 35.000 đồng/người/tháng).
- CBCNV gia đình ở xa (cách Công ty 100 km trở lên), Khi về quê nghỉ tết nguyên đán sẽ được nghỉ thêm một ngày so với lịch nghỉ tết của Công ty, ngày nghỉ đó vẫn được hưởng nguyên lương cấp bậc và được thanh toán tiền tàu xe đi về.
- Nữ CBCNV hiện đang làm việc tại Công ty có thời gian làm việc liên tục từ 02 năm trở lên, khi kết hôn được mua 01 chăn đông với giá giảm 50%, từ 04 năm trở lên được Công ty tặng 01 chiếc chăn đông.
- Các trường hợp nam CBCNV hiện làm việc tại Công ty có thời gian làm việc từ 04 năm trở lên khi kết hôn với nữ CBCNV cùng Công ty được mua 01 chăn đông giảm giá 50% và từ 06 năm trở lên được tặng 01 chăn đông.
- Chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ.
- Chi cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ (chồng) mất được BCH Công ty viết vòng hoa trị giá 50.000 đồng.

9. Chính sách cổ tức

Công ty chi trả cổ tức cho các cổ đông theo kết quả sản xuất kinh doanh, sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Sau khi thanh toán số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Tỷ lệ cổ tức sẽ căn cứ theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ Lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Tỷ lệ trả cổ tức chi trả cho cổ đông qua các năm như sau:

Bảng 14. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2015, 2016 và 2017

Năm	Tỷ lệ cổ tức được ĐHĐCĐ thông qua*	Tỷ lệ cổ tức đã chi trả*	Hình thức
2015	30-35%	45%	Tiền mặt
2016	25-30%	45%	Tiền mặt
2017	35-45%	45%	Tiền mặt
Dự kiến 2018	35-40%		Dự kiến bằng Tiền mặt

(Nguồn: CTCP Máy Sông Hồng)

* Tỷ lệ chi trả cổ tức tính trên mệnh giá cổ phiếu.

Dự kiến từ năm 2019 trở đi, cổ tức chi trả cho cổ đông ở mức 35%/Mệnh giá.

10. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. BCTC của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng.

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Trích khấu hao TSCĐ**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC. Tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

- **Mức lương bình quân**

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	5.628.000	5.896.000	6.435.000

(Nguồn: CTCP Máy Sông Hồng)

- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Các khoản nợ vay của Công ty đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên, phải trả phải nộp khác được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

- **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế GTGT, thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác phải nộp theo quy định của nhà nước.

Bảng 15. Số dư thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	48.450.362	1.345.782.750	-
2	Thuế thu nhập cá nhân	-	798.532.059	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.279.520.648	-	52.188.131.138
4	Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.715.253.797
5	Thuế nhập khẩu	-	-	97.303.398
5	Các loại thuế khác	14.583.849	21.542.840	1.251.253.909
Tổng cộng		3.342.554.859	2.165.857.649	56.251.942.242

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2016 và 2017 và BCTC Quý III/2018)

- **Trích lập các quỹ theo luật định**

Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên hàng năm. HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng năm.

Bảng 16. Trích lập quỹ của Công ty

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Quỹ đầu tư phát triển	71.197.921.068	123.676.597.449	183.792.535.504
2	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.972.416.636	1.972.416.636	1.972.416.636
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	23.395.980.170	22.338.980.170	20.789.980.170
Tổng cộng		96.566.317.874	147.987.994.255	206.554.932.310

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2016 và 2017 và BCTC Quý III/2018)

- **Đầu tư tài chính**

Bảng 17. Danh sách đầu tư tài chính của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Đầu tư ngắn hạn	468.980.000.000	302.000.000.000	439.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng	468.980.000.000	252.000.000.000	439.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	50.000.000.000 (*)	-
Đầu tư dài hạn	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	50.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	-	-	50.000.000.000

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2016 và 2017 và BCTC Quý III/2018)

(*) Khoản đầu tư cổ phiếu ưu đãi cổ tức của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VP Bank") được mua trong năm 2015, với giá 27.584 VND/cổ phần, số lượng 1.812.645 cổ phần với thời hạn hạn chế chuyển nhượng đến ngày 23 tháng 6 năm 2016, Công ty có kế hoạch sẽ nắm giữ đến ngày đáo hạn là ngày VP Bank thực hiện quyền mua lại số cổ phiếu ưu đãi này. Theo hợp đồng, VP Bank có thể thực hiện quyền mua lại cổ phần ưu đãi cổ tức sau 3 năm kể từ ngày hoàn tất giao dịch cổ phiếu ưu đãi cổ tức là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Ngày 9 tháng 7 năm 2018, VP Bank đã thực hiện mua lại toàn bộ số cổ phiếu ưu đãi cổ tức này với giá mua lại là 33.996,7 VND/cổ phần, tương đương với tổng số tiền mua lại là 61.624.129.536 VND. Lợi nhuận này đã được ghi nhận vào doanh thu tài chính vào quý III/2018.

- **Tổng dư nợ vay**

Công ty luôn thanh toán các khoản nợ đầy đủ và đúng hạn, đảm bảo uy tín của Công ty đối với các nhà cung cấp và các tổ chức tín dụng.

Bảng 18. Danh sách tổng dư nợ vay

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/9/2018
1	Vay và nợ vay ngắn hạn	515.519.859.974	722.915.235.620	523.325.900.785
2	Vay và nợ vay dài hạn	294.333.023.237	191.931.036.800	210.770.412.543
Tổng cộng		809.852.883.211	914.846.272.420	970.147.618.301

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2016 và 2017 và BCTC Quý III/2018)

Cụ thể dư nợ vay theo từng ngân hàng như sau:

Bảng 19. Danh sách dư nợ vay chi tiết theo đối tượng

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Vay ngắn hạn				
1	Vay cá nhân	2.134.725.000	-	-
2	Vay VND và USD – Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN – CN Nam Định	242.393.224.154	354.439.283.624	403.109.992.119
3	Vay USD – Ngân hàng NN&PTNT – CN Nam Định	122.022.778.616	158.806.973.040	34.171.817.190
4	Vay USD – Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	47.889.759.004	95.336.529.014	-
5	Vay USD – Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Nam Định	20.305.872.908	-	-
6	Vay USD – Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	17.918.223.639
7	Vay VND – Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt nam – CN Nam Định	-	-	68.125.867.837
8	Nợ dài hạn đến hạn trả	80.773.500.292	114.332.449.942	-
Vay dài hạn				

1	Vay VND – Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN – CN Nam Định	42.919.288.971	42.919.288.971	9.219.288.971
2	Vay VND và USD – Ngân hàng NN&PTNT – CN Nam Định	43.295.307.967	25.636.280.100	26.363.430.525
3	Vay VND và USD – Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN – CN Nam Định	221.997.263.277	181.475.110.427	149.149.511.752
4	Vay USD – Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN – CN Nam Định	39.480.051.390	25.743.772.635	26.038.181.295
5	Vay USD – Ngân hàng TMCP Tiên Phong	27.414.611.924	30.489.034.609	-

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2016 và 2017 và BCTC Quý III/2018)

Công ty không có khoản dự phòng tỷ giá USD tăng đối với các khoản vay nợ USD do Doanh thu của Công ty chủ yếu thu bằng tiền USD - Công ty chủ động được nguồn USD để trả nợ, không phải mua USD từ Ngân hàng nên ít chịu sự ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá.

- **Tình hình công nợ hiện nay**

- » **Các khoản phải thu**

Bảng 20. Danh sách các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

STT	Các khoản phải thu	31/12/2016	31/12/2017	30/9/2018
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	384.238.263.985	451.843.118.399	693.612.815.504
2	Trả trước cho người bán	12.299.908.053	18.715.088.500	34.262.723.865
3	Các khoản phải thu khác	6.423.829.980	17.214.319.109	18.084.499.645
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	442.086.558	(7.888.331.184)
Tổng cộng		402.962.002.018	487.330.439.450	622.452.286.619

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2016 và 2017 và BCTC Quý III/2018)

Bảng 21. Danh sách chi tiết khoản phải thu

STT	Chi tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Phải thu của khách hàng				
1	Công ty TNHH Columbia Sportwear	24.949.197.110	71.366.596.897	137.603.560.556
2	Công ty TNHH New York & Company	85.347.395.546	59.623.011.139	110.098.142.056
3	Công ty TNHH Sae-A Trading Co., Ltd	70.400.017.296	63.943.919.096	47.071.540.574
4	Công ty TNHH G-III APPAREL GROUP	43.790.845.171	71.098.771.165	73.526.481.324
5	Công ty TNHH Haddad Apparel Group	-	-	118.286.687.829
6	Công ty TNHH The GAP Inc	40.773.792.755	22.368.420.769	85.841.964.092
7	Công ty TNHH Mango (PUNTOFA, SL Unperseonal)	11.693.682.960	8.812.623.659	-
8	Các đối tượng khác	107.283.333.147	154.629.775.674	121.184.439.073
Trả trước người bán				
1	Công ty TNHH Zhang Jia Gang, Yan Hong Import and Export	-	4.388.495.739	607.144.828
2	Công ty TNHH Hangzhou Realever Textiles	-	2.065.973.766	-
3	Công ty TNHH Fast React Systems Limited	-	-	4.104.349.411
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	-	-	10.000.000.000
5	Jiangsu Guotai International Group	1.063.786.839	-	-
6	Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thái Dương	-	-	-
7	Công ty TNHH Jiangsu H.F Textiles	2.371.161.564	-	-
8	Công ty TNHH Một thành viên BCA – Thăng Long	-	-	-
9	Các đối tượng khác	8.864.959.650	12.260.618.995	19.551.229.626

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2016 và 2017 và BCTC Quý III/2018)

» Các khoản phải trả

Bảng 22. Danh sách các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

STT	Các khoản phải trả	31/12/2016	31/12/2017	30/9/2018
I	Nợ ngắn hạn	1.244.513.334.469	1.433.449.100.265	1.345.612.548.616
1	Phải trả người bán	186.573.312.971	152.332.166.317	194.176.731.333
2	Người mua trả trước	65.718.315.545	59.756.426.379	77.869.906.440
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.342.554.859	2.165.857.649	56.251.942.242
4	Phải trả người lao động	317.768.051.980	326.253.987.893	337.505.053.169
5	Chi phí phải trả	84.022.148.323	98.010.454.864	64.276.683.496
6	Phải trả nội bộ	-	-	-
7	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	33.505.115.214	34.675.991.373	63.699.723.251
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác	515.519.859.974	722.915.235.620	523.325.900.785
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	14.667.995.433	15.000.000.000	7.716.627.730
10	Quỹ khen thưởng phúc lợi	23.395.980.170	22.338.980.170	20.789.980.170
II	Nợ dài hạn	294.333.023.237	191.931.036.800	210.770.412.543
1	Vay và nợ dài hạn	294.333.023.237	191.931.036.800	210.770.412.543
	Tổng cộng	1.538.846.357.706	1.625.380.137.065	1.556.382.961.159

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2016 và 2017 và BCTC Quý III/2018)

Các khoản nợ phải trả của Công ty tương đối ổn định qua các năm, đảm bảo cho Công ty hoạt động hiệu quả.

Bảng 23. Danh sách chi tiết khoản phải trả có số dư lớn

STT	Chi tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Phải trả người bán				
1	Công ty TNHH Juki Singapore Pte	31.087.839.000	-	-
2	Công ty Khu Công Nghiệp Mỹ Trung – Nam Định	24.914.331.576	22.248.522.144	22.248.522.144
3	Công ty TNHH May mặc Sông Hồng	186.573.312.971	13.316.069.110	6.414.518.843
4	Phải trả cho các đối tượng khác	121.582.078.165	116.767.575.063	165.513.690.346
Người mua trả tiền trước				
1	Công ty Cổ phần Thương mại Sông Hồng Nam Định	117.901.418	-	-
2	Nhà phân phối sản phẩm Nguyễn Duy Minh	3.214.199.004	-	-
3	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam – Thái Nguyên	7.498.342.500	-	-
4	Công ty Cổ phần Tư vấn XD và TM Thái Dương	14.922.195.239	15.103.212.249	-
5	Nhà phân phối sản phẩm chính thức Thịnh Sơn		-	11.823.533.555
6	Các khoản người mua trả tiền trước khác	-	-	66.046.372.885
7	Các đối tượng khác	39.965.677.384	44.653.214.130	-
Phải trả người lao động				
1	Lương phải trả người lao động	62.325.308.478	63.743.884.340	79.687.413.387
2	Dự phòng quỹ tiền lương phải trả	137.954.183.220	129.654.183.220	153.210.124.919
3	Thưởng phải trả người lao động	117.768.051.980	132.855.920.333	104.607.514.863

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2016 và 2017 và BCTC Quý III/2018)

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 24. Danh sách các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	DVT	Năm 2016	Năm 2017	9 tháng đầu năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,09	1,17	1,39
Hệ số thanh toán nhanh (<i>TSLĐ - Hàng tồn kho</i>)/ <i>Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,76	0,80	0,97
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	70,20%	68,28%	60,23%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	235,53%	215,23%	151,45%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho (<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>)	Vòng	6,04	5,09	4,27
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,36	1,38	1,16
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,18%	6,11%	9,15%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	29,22%	28,45%	30,64%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	8,99%	8,76%	11,00%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	7,27%	7,12%	11,23%

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2016 và 2017 và BCTC Quý III/2018)

- Về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán (bao gồm 02 chỉ tiêu là hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán nhanh) là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ của Công ty. Trong đó hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty tăng đều từ năm 2016 cho đến 9 tháng đầu năm 2018 cho thấy khả năng thanh toán nợ

ngắn hạn cao. Công ty luôn đảm bảo tính thanh khoản cân bằng giữa tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn

- *Về cơ cấu vốn:* Chỉ tiêu về khả năng cân đối vốn của Công ty được dùng để phản ánh mức độ ổn định và tự chủ tài chính cũng như khả năng sử dụng nợ vay. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm mạnh cho thấy vốn chủ sở hữu có tốc độ tăng cao hơn so với nợ phải trả. Cũng như hệ số nợ trên tổng tài sản cũng giảm dần do tổng tài sản tăng đều qua các năm.

- *Về năng lực hoạt động:* Các chỉ tiêu về khả năng hoạt động được dùng để đánh giá Công ty khai thác và sử dụng nguồn lực hiệu quả. Vòng quay hàng tồn kho cho thấy tốc độ luân chuyển hàng tồn kho, thể hiện hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

- *Về khả năng sinh lời:* Các chỉ số về khả năng sinh lời đưa ra tổng hợp về hiệu quả sản xuất kinh doanh và hiệu năng quản lý doanh nghiệp. Về hệ số sinh lời doanh thu, 6 tháng đầu năm 2018 tăng mạnh so với năm trước thể hiện năng lực hoạt động của Công ty đã tốt hơn với lợi nhuận sau thuế tăng cao. Thêm vào đó là hệ số sinh lời vốn chủ sở hữu và tổng tài sản giảm nhẹ là do tăng vốn chủ sở hữu và tổng tài sản.

11. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1 Hội đồng Quản trị

Bảng 25. Danh sách hội đồng quản trị

STT	Họ tên	CMND	Chức vụ
1	Bùi Đức Thịnh	160153160	Chủ tịch HĐQT
2	Bùi Việt Quang	162110909	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Mạnh Tường	160039675	Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Thị Hồng Yến	036169002232	Thành viên HĐQT – Giám đốc tài chính

❖ ÔNG: BÙI ĐỨC THỊNH - CHỦ TỊCH HĐQT

1. Ông: Bùi Đức Thịnh	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Giới tính	Nam
Ngày sinh	08/09/1947
Nơi sinh	Xuân Hòa, Xuân Thủy, Nam Hà
Quốc tịch	Việt Nam

Số CMND	160153160 cấp ngày 20/5/2008 ,Nơi cấp: Công an TP. Nam định
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	15 Mạc Thị Bưởi , TP Nam định , tỉnh Nam Định
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ 01/1990 – 12/1993	Giám đốc Xí nghiệp may xuất khẩu 1-7 Nam Định
- Từ 01/1994 – 06/2004	Giám đốc Công ty May Sông Hồng Nam Định
- Từ 10/2004 – 05/2009:	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc CTCP May Sông Hồng
- Từ 06/2009 – 08/2014:	Chủ tịch HĐQT – CTCP May Sông Hồng
- Từ 09/2014 – 03/2016:	Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc CTCP May Sông Hồng
- Từ 04/2014 – nay:	Chủ tịch HĐQT – CTCP May Sông Hồng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	10.300.440 CP tương đương 21,62% VDL
Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Bùi Việt Quang (Con trai) - 5.198.760 cổ phiếu (tương đương 10,92% VDL) Trần Chí Dũng (Con rể) – 226.800 cổ phiếu (tương đương 0,48% VDL)

❖ **ÔNG: BÙI VIỆT QUANG – THÀNH VIÊN HĐQT kiêm TỔNG GIÁM ĐỐC**

2. Ông: Bùi Việt Quang	Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
Giới tính	Nam
Ngày sinh	29/05/1978
Nơi sinh	TP. Nam Định
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	162110909 cấp ngày 5/3/2009, Nơi cấp: Công an TP. Nam định
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	376 Hùng Vương, P. Vị Xuyên, Tp. Nam Định
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ 01/2004 – 09/2006:	Trợ lý Giám đốc công ty may Sông Hồng Nam Định
- Từ 10/2006 – 05/2009:	Trưởng phòng thương mại Quốc tế - CTCP May Sông Hồng Nam Định
- Từ 05/2009 – 03/2016:	Phó Tổng Giám Đốc CTCP May Sông Hồng
- Từ 04/2016 – nay	Tổng giám đốc CTCP May Sông Hồng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc CTCP May Sông Hồng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	5.198.760 CP tương đương 10,92% VDL
Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT và lương điều hành
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Bùi Đức Thịnh (Bố đẻ) - 10.300.440 cổ phiếu (tương đương 21,62% VDL) Trần Chí Dũng (Anh rể) – 226.800 cổ phiếu (tương đương 0,48% VDL)

❖ **ÔNG: NGUYỄN MẠNH TƯỜNG - THÀNH VIÊN HĐQT kiêm PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

3. Ông: Nguyễn Mạnh Tường	Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
Giới tính	Nam
Ngày sinh	22/06/1971
Nơi sinh	Thanh Liêm – Hà Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	160039675 cấp ngày 03/09/1998, Nơi cấp: Công an TP. Nam Định
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	31D/623 Đường Trường Chinh Hạ Long – Nam Định
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ 01/1997 – 12/2006:	Quản đốc xưởng may 4 – CTCP May Sông Hồng Nam Định
- Từ 01/2007 – 08/2008:	Giám đốc điều hành – CTCP May Sông Hồng Nam Định
- Từ 09/2008 – 08/2014:	Phó Tổng Giám Đốc – CTCP May Sông Hồng
- Từ 09/2014 – nay:	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc – CTCP May Sông Hồng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc – CTCP May Sông Hồng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	567.480 CP tương đương 1,19% VDL
Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT và lương điều hành

Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Nguyễn Thị Bích Hải (vợ): 627.000 CP tương đương 1,32% VDL
--	--

❖ **BÀ: LÊ THỊ HỒNG YẾN - THÀNH VIÊN HĐQT**

4. Bà: Lê Thị Hồng Yến	Chức vụ: Thành viên HĐQT, Giám đốc tài chính
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	20/01/1969
Nơi sinh	Nam Định
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	036169002232 cấp ngày 10/04/2017, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	114A Nam Ô 17, Phường Hạ Long, TP Nam Định
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ 07/1989 – 05/2008:	Nhân viên Kế toán Xí nghiệp May xuất khẩu 1-7
- Từ 06/2008 – 03/2009:	Phó Phòng Kế Toán – CTCP May Sông Hồng
- Từ 04/2009 – 04/2011:	Trưởng Phòng Kế Toán – CTCP May Sông Hồng
- Từ 05/2011 – 08/2014:	Giám đốc Tài Chính – CTCP May Sông Hồng
- Từ 09/2014 – nay:	Thành viên HĐQT, Giám đốc Tài Chính CTCP May Sông Hồng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Giám đốc tài chính – CTCP May Sông Hồng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	226.800 CP tương đương 0,48% VDL
Số cổ phần đại diện	Không

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT và lương điều hành
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Vũ Mạnh Tường (Chồng): 1.022.400 CP tương đương 2,14% VDL

11.2 Ban Tổng Giám đốc

Bảng 26. Ban Tổng giám đốc

STT	Họ tên	CMND/Hộ chiếu	Chức vụ
1	Bùi Việt Quang	162110909	Tổng Giám Đốc
2	Nguyễn Mạnh Tường	160039675	Phó Tổng Giám Đốc
3	Trần Chí Dũng	012999121	Phó Tổng Giám Đốc
4	Lê Thị Hồng Yến	036169002232	Giám đốc tài chính

❖ **ÔNG: BÙI VIỆT QUANG - TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Trích ngang như trên HĐQT)

❖ **ÔNG: NGUYỄN MẠNH TƯỜNG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Trích ngang như trên HĐQT)

❖ **Bà LÊ THỊ HỒNG YẾN – GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH**

(Trích ngang như trên HĐQT)

❖ **ÔNG: TRẦN CHÍ DŨNG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

3. Ông: Trần Chí Dũng	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
Giới tính	Nam
Ngày sinh	4/7/1970
Nơi sinh	Bình Thuận
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	012999121 cấp ngày 20/11/2007, Nơi cấp: CA TP Hà Nội
Dân tộc	Kinh

Địa chỉ thường trú	47 Đường Hoa Sữa 1, Quận Long Biên, Hà Nội
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ 1993 – 1996:	Làm việc tại Công ty Scientific Drilling ở Vũng tàu
- Từ 1997 – 2000:	Làm việc tại Công ty CHUBB Fire tại TP. Hồ Chí Minh
- Từ 2001 – 2003:	Làm việc Công ty Siemens – NTC tại Hà Nội
- Từ 2004 – 2012	Làm việc tại Công ty Thái Dương Tech tại Hà Nội
- Từ 2013 – nay:	Phó Tổng giám đốc CTCP May Sông Hồng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	226.800 CP tương đương 0,48% VDL
Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Lương điều hành
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

11.3 Ban kiểm soát

Bảng 27. Danh sách Ban kiểm soát

STT	Họ tên	CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Hạnh	030176000361	Trưởng ban
2	Triệu Công Trứ	160673955	Thành viên
3	Nguyễn Văn Bằng	035062000098	Thành viên

❖ **BÀ: NGUYỄN THỊ HẠNH – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

1. Bà: Nguyễn Thị Hạnh	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	19/11/1976
Nơi sinh	Hải Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	030176000361 Ngày cấp: 01/11/2017 Nơi cấp: Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về Dân Cư
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	54 Vạn Kiếp, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ 8/1988 – 04/2006:	Kế toán trưởng Công ty thương mại Ngọc Diệp
- Từ 06/2006 – 04/2007:	Phụ trách Kế toán Công ty XNK đầu tư Tổng hợp TP. HCM
- Từ 04/2007 – 05/2008:	Chuyên viên tư vấn cao cấp CTCP Chứng Khoán FPT
- Từ 05/2008 – 2014	Phó Giám đốc Khối tư vấn tài chính Doanh Nghiệp CTCP chứng khoán FPT
- Từ 2009 – 2014	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP May Sông Hồng
- Từ 2014 - nay	Trưởng Ban kiểm soát – CTCP May Sông Hồng
- Từ 2014 – nay	Thành viên Ban kiểm soát – CTCP Dệt Minh Khai
- Từ 2015 – nay:	Giám đốc Phòng tư vấn tài chính doanh nghiệp – CTCP Chứng khoán FPT
- Từ 7/2017 – nay:	Cố vấn nghiệp vụ Phòng Tổ chức – CTCP May Sông Hồng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Trưởng Ban Kiểm Soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Phòng tư vấn tài chính doanh nghiệp – CTCP Chứng Khoán FPT

	Thành viên Ban Kiểm soát – CTCP Dệt Minh Khai
Số cổ phần sở hữu	334.080 CP tương đương 0,71% VĐL
Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao BKS và lương theo quy định
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	CTCP Chứng khoán FPT: 6.480.000 CP tương đương 13,61% VĐL Lê Văn Thái (Anh rể): 72.880 CP tương ứng 0,15% VĐL

❖ ÔNG: TRIỆU CÔNG TRỨ – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

2. Ông: Triệu Công Trứ	Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm Soát
Giới tính	Nam
Ngày sinh	19/12/1961
Nơi sinh	Nam Định
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	160673955 cấp ngày 24/03/2005, Nơi cấp: Công an TP. Nam Định
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 18, Tổ 30, Phường Trường Thi, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ 1984 - 1997:	Nhân viên Bộ phận Kế toán phụ trách mảng kiểm soát hoạt động mua sắm thiết bị - Xí nghiệp chế biến bông sợi - Tỉnh Nam Định
- Từ 1998-12/1998:	Công ty May Sông Hồng
- Từ 1999 – nay:	Trưởng Phòng Quản lý thiết bị - Công ty May Sông Hồng nay là CTCP May Sông Hồng

- Từ 2009 – nay:	Thành viên Ban Kiểm Soát – CTCP Máy Sông Hồng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Ban Kiểm Soát Trưởng Phòng Quản lý thiết bị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	89.920 CP tương đương 0,19% VDL
Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao BKS và lương theo quy định
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

❖ ÔNG: NGUYỄN VĂN BẰNG – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

3. Ông: Nguyễn Văn Bằng	Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm Soát
Giới tính	Nam
Ngày sinh	08/09/1962
Nơi sinh	Nam Hà
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	035062000098 cấp ngày 21/07/2015, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	384 đường Trường Chinh, Phường Vị Xuyên, TP. Nam Định
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Sơ cấp kế toán
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ 06/1979 – 12/1984:	Kế toán thống kê - C14.Eg.F 304
- Từ 01/1985 – 04/1985:	Chờ chuyển công tác
- Từ 5/1985 – 6/1989:	Lái xe công ty II, cảng Ninh Bình

- Từ 07/1989 – 03/1993:	Lái xe XN may XK 1-7 Nam Định
- Từ 04/1993 – 2008:	Nhân viên Phòng Hành Chính - Công ty May Sông Hồng nay là CTCP May Sông Hồng
- 2009 - nay	Trưởng Phòng Hành Chính - CTCP May Sông Hồng
- Từ 2014 – nay:	Thành viên Ban kiểm soát CTCP May Sông Hồng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Ban Kiểm Soát Trưởng Phòng Hành chính
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	35.120 CP tương đương 0,07% VDL
Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao BKS và lương theo quy định
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Vũ Thị Bích (Vợ) - 380.000 cổ phiếu (tương đương 0,8% VDL) Nguyễn Quốc Hưng (Con) – 180.000 cổ phiếu (tương đương 0,38% VDL)

❖ **ÔNG: LÊ VĂN QUANG – Kế toán trưởng**

1. Ông: Lê Văn Quang	Chức vụ: Kế toán trưởng
Giới tính	Nam
Ngày sinh	26/08/1965
Nơi sinh	Thanh Tuyên - Thanh Liêm - Hà Nam Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	162650440 cấp ngày 05/10/2005, Nơi cấp: CA TP. Nam Định
Dân tộc	Kinh
	26D/105 Hàn Thuyên – TP Nam Định
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ 08/1999 – 08/2008:	Phó Phòng Kế toán Công ty May Sông Hồng nay là CTCP May Sông Hồng
- Từ 02/2009 – nay:	Kế toán trưởng CTCP May Sông Hồng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	2.040 CP tương đương 0,0043% VDL
Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Lương theo quy định
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Nguyễn Thị Thu Hương (Vợ) - 524.320 cổ phiếu (tương đương 1,1% VDL) Lê Văn Tâm (Em trai) - 41.400 cổ phiếu (tương đương 0,087% VDL)

12. Tài sản

Bảng 28. Tình hình tài sản cố định

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	31/12/2017		30/9/2018	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	1.255.921.954.730	644.674.187.666	1.276.745.164.001	582.219.943.488
- Nhà cửa vật kiến trúc	848.134.933.263	496.243.195.390	849.771.957.649	446.906.990.748
+ Nhà xưởng, nhà văn phòng	339.247.260.579	168.813.030.801	339.247.260.579	147.363.706.755
+ Kho tàng	106.431.885.363	65.790.686.452	106.431.885.363	60.916.011.295
+ Sân bãi	44.570.860.899	31.808.851.316	44.570.860.899	27.265.228.199
+ Vật kiến trúc khác	357.884.926.422	229.830.626.821	359.521.950.808	211.362.044.499
2. Máy móc, thiết bị	358.005.087.613	132.684.004.583	373.129.874.551	119.284.592.429
+ Nhóm máy may công nghiệp	162.213.831.400	53.537.961.676	166.799.563.718	41.288.170.075
+ Nhóm máy may phòng cắt	38.403.899.519	19.663.969.426	42.356.182.139	19.214.721.713
+ Nhóm máy hoàn tất đóng gói	5.386.623.462	.820.775.125	7.857.819.462	2.840.658.714
+ Nhóm máy kiểm tra	2.291.460.545	.738.834.123	2.494.935.545	806.255.405
+ Máy thiết bị quản lý	3.531.654.645	.962.683.581	3.531.654.645	847.240.974
+ Khác	146.177.618.042	56.959.780.652	150.089.719.042	54.287.545.548
3. Phương tiện vận tải	26.918.725.424	10.637.077.327	27.746.298.152	9.552.603.830
4. Thiết bị văn phòng	22.863.208.430	5.109.910.366	26.097.033.649	6.475.756.481
2. Tài sản vô hình	5.706.098.163	2.974.488.026	5.898.098.163	2.403.652.122
Quyền sử dụng đất	1.309.176.000	845.327.670	1.309.176.000	796.233.570
Phần mềm máy tính	4.396.922.163	2.129.160.356	4.588.922.163	1.607.418.552

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý III/2018)

Bảng 29. Tình hình hàng tồn kho

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016		31/12/2017		30/09/2018	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
1	Hàng mua đang đi đường	-	-	12.900.465.287	-	-	-
2	Nguyên liệu, vật liệu	162.137.577.179	(4.249.008.987)	193.423.221.623	(3.498.352.207)	226.277.071.905	(3.498.352.207)
3	Công cụ, dụng cụ	814.742.880	-	1.036.339.991	-	1.329.016.417	-
4	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	54.307.251.649	(2.935.145.470)	67.573.257.179	(2.935.145.470)	44.569.991.818	(2.935.145.470)
5	Thành phẩm	215.499.776.015	(12.235.109.888)	275.199.464.940	(10.191.686.635)	306.557.122.482	(9.250.059.315)
6	Hàng gửi đi bán	108.657.729	-	14.089.388	-	10.476.107	-

Bảng 30. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản	31/12/2016	31/12/2017	30/9/2018
Dây chuyền máy bông	19.885.423.600	-	-
Công trình nhà văn phòng Sông Hồng 9	23.668.102	-	-
Các công trình xây dựng tại Sông Hồng 1	-	-	23.112.465.245
Các công trình xây dựng tại Sông Hồng 4	-	-	7.119.919.091
Các công trình khác	10.840.484.410	136.295.667	9.007.401.653
Tổng cộng	30.749.576.112	136.295.667	39.239.785.989

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2016 và 2017 và BCTC Quý III/2018)

Bảng 31. Tình hình sử dụng đất đai của Công ty

TT	Tên khu đất	Số GCNSD Đất	Diện tích được giao (m ²)	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
1	Sông Hồng 1. Địa chỉ: 105 Nguyễn Đức Thuận phường Thống Nhất thành phố Nam định	AC667379	24.701,5	11/01/2031	Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm
2	Sông Hồng 2. Địa chỉ: 108 Nguyễn Hiền phường Trần Đăng Ninh thành phố Nam Định	CB224930	5.015	15/10/2043	Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm
			10.985	15/10/2065	Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm

3	Sông Hồng 3. Quốc lộ 10 phường Lộc Hạ thành phố Nam định	AD721304	26.006	12/3/2033	Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm
	Sông Hồng 3. Quốc lộ 10 xã Mỹ phúc huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam định	AD721305	12.905,5	7/8/2033	Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm
4	Sông Hồng 4. CCN thị trấn Xuân trường huyện Xuân Trường tỉnh Nam Định	AK920679	65.251,9	21/12/2055	Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm
5	Sông Hồng 7. CCN xã Hải phương huyện Hải hậu tỉnh Nam Định	CB224647	57.765,2	19/6/2060	Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm
6	Nhà phố thương mại - 228 Trần Hưng Đạo - Phường Bà Triệu - TP Nam Định	BA 9104312	130,5	15/10/2060	Nhà nước cho thuê trả tiền sử dụng đất một lần
7	Sông Hồng 8. Lô E6+E7 KCN Mỹ Trung TP. Nam Định	HĐNT số 2402/24/02/ 2012	38.308	25/12/2056	Thuê lại đất trả một lần của CTCP Công nghiệp tàu thủy Hoàng Anh
8	Sông Hồng 9 xã Nghĩa Thái, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định	CB 224776	62.711,2	15/12/2064	Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm

(Nguồn: Công ty cổ phần Máy Sông Hồng)

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức được xây dựng căn cứ vào định hướng chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm tới và được xây dựng dựa trên tình hình thực tiễn của nền kinh tế và các dự báo của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty sẽ thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất và kinh doanh trong từng thời kỳ, trên cơ sở đó, Công

ty sẽ có bước điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình thực tiễn (*Chi tiết dự kiến Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2018 – 2019 của Công ty được trình bày tại bảng dưới đây*)

Bảng 32. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 – 2019

Chỉ tiêu	Năm 2018 (*)		Năm 2019	
	Giá trị	% tăng giảm so với thực hiện năm 2017	Giá trị	% tăng giảm so với kế hoạch năm 2018
Doanh Thu Thuần	3.500 tỷ	6,65%	3.669 tỷ	4,83%
Lợi nhuận sau thuế	230 tỷ	14,78%	324 tỷ	40,87% (**)
Vốn chủ sở hữu	891 tỷ	17,98%	1.024 tỷ	14,93%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	6,57%	7,53%	8,83%	34,39%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	27,94%	-	33,83%	-
Cổ tức	35-40%	-	35%	-

(Nguồn: Công ty cổ phần Máy Sông Hồng)

(*) Đây là Kế hoạch kinh doanh năm 2018 được ĐHCĐ thường niên năm 2018 thông qua.

(**) Là so sánh giữa số liệu kế hoạch 2 năm, nếu so sánh với kết quả thực hiện tới 9 tháng đầu năm 2018 thì tỷ lệ thực tế tính tới hiện tại là 18,6% và sẽ còn giảm khi Công ty hoàn thành năm tài chính 2018.

Cần cứ để đạt và xây dựng kế hoạch kinh doanh

Trên thực tế, tính đến hết quý III/2018, doanh thu thuần công ty đạt **2.985,438 tỷ đồng**, lợi nhuận sau thuế là **273,168 tỷ đồng**, tương ứng đạt **85,29%** kế hoạch doanh thu thuần và **118,77%** kế hoạch lợi nhuận sau thuế của năm 2018. Như vậy, so với kế hoạch kinh doanh được ĐHCĐ thường niên thông qua cho năm 2018, tới tháng 9/2018 Công ty đã hoàn thành vượt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế. Theo Ban lãnh đạo Công ty nhận định, hết năm tài chính năm 2018 Công ty sẽ vượt kế hoạch cả chỉ tiêu doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế. Để đạt được kết quả này, từ năm 2018 Công ty đã chuyển dịch đơn hàng CMT sang các đơn hàng FOB.

Theo đó, kế hoạch kinh doanh năm 2019 được Công ty xây dựng dựa trên tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tới thời điểm hiện tại và định hướng tiến dần chuyển đổi mảng CMT sang sản xuất FOB. Cụ thể: Tỷ trọng doanh thu hàng FOB năm 2017 là 62,64%; sang 9 tháng năm 2018 tỷ trọng doanh thu hàng FOB tăng lên 70,8%. Mặc dù doanh thu thuần chỉ bằng 90,97% doanh thu thuần đạt được của cả năm 2017 song với cơ cấu sản xuất dịch chuyển như trên cộng và việc kiểm soát chặt chẽ giá vốn nên lợi nhuận sau thuế 9 tháng năm 2018 đã tăng 36,3% so với năm 2017. Với các đơn hàng FOB đang sản xuất và tiếp tục thỏa thuận ký kết cho năm 2019, tỷ lệ doanh thu hàng FOB dự kiến tính hết năm 2018 đạt mức 72%; và sẽ đạt mức 75% tổng doanh thu năm 2019.

• Giải pháp đối với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

- Công tác quản trị:

- + Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.
- + Đôn đốc Ban Tổng giám đốc làm tốt việc chuẩn bị đơn hàng và giá cả theo hướng chuyên môn hóa để bảo đảm thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.
- + Quyết liệt chỉ đạo tiết kiệm, chống tổn thất để nâng cao năng suất lao động.
- + Tiếp tục duy trì Quy chế làm việc đã ban hành.
- + Chỉ đạo triển khai hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp tổng thể ERP để quản lý và kiểm soát dữ liệu thống nhất trong toàn nhà máy.
- + Tập trung đào tạo nâng cao chất lượng nhân lực một số phòng ban chức năng của công ty
- + Duy trì, thiết lập các mối quan hệ hợp tác chiến lược để phát triển các đơn hàng, khách hàng tiềm năng, thương hiệu lớn, đảm bảo ổn định sản xuất khi quy mô nhân lực các xưởng tăng.
- + Tiếp tục mở rộng phát triển thị trường chăn ga gối đệm xuất khẩu; ổn định thị trường nội địa.
- Công tác đầu tư:
 - + Xây dựng chiến lược đầu tư, phát triển phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo đạt được các mục tiêu chủ yếu của phương án sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, nhất là chỉ tiêu về doanh số, lợi nhuận, tỷ lệ cổ tức.
 - + Tập trung đầu tư chiều sâu thiết bị và công nghệ bảo đảm phục vụ cho nhu cầu của sản xuất.
- Nguồn nhân lực:
 - + Tiếp tục phát triển quy mô nhân lực: 12.000 người
 - + Duy trì và xây dựng các vùng dân cư chiến lược để cung cấp ổn định về lao động cho công ty
 - + Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo quy mô, bài bản đối với đội ngũ cán bộ công nghệ, cơ khí cấp tổ, cấp xưởng và thông qua các phong trào thi đua luyện tay nghề, thi thợ giỏi.
- Giải pháp về thị trường:
 - + Duy trì và cải thiện mối quan hệ tốt với các khách hàng, nhà cung cấp truyền thống thông qua việc đảm bảo chất lượng các đơn hàng và tổ chức các Hội nghị Khách hàng nhằm tạo tính gắn kết

- + Tiếp tục mở rộng thị trường phân phối nội địa ở các khu vực miền Trung và các vùng miền chưa có sự hiện diện của thương hiệu Sông Hồng.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần May Sông Hồng cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty cổ phần May Sông Hồng là doanh nghiệp có vị thế hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong sản xuất kinh doanh.

Dựa trên kết quả kinh doanh các năm vừa qua cùng với dự báo về triển vọng phát triển ngành trong những năm sắp tới, chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của công ty trong năm tới là phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình đưa ra quyết định đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

07
SÔNG
CỔ
ỨNG
GÃ
ÔNG
VIỆ
T

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/ cổ phiếu
3. **Tổng số chứng khoán niêm yết:** 47.628.000 cổ phiếu
4. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết.**

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, *Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.*

Ngoài ra, 04 cán bộ nhân viên là Ban lãnh đạo Công ty mua cổ phiếu đợt phát hành theo chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên năm 2017 còn bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành theo quy chế phát hành đã được thông qua. Theo đó các cổ đông thuộc đối tượng này bị hạn chế chuyển nhượng tới hết ngày 3/8/2020 với tổng số lượng là 1.134.000 cổ phiếu.

Danh sách hạn chế chuyển nhượng chi tiết của cả 2 trường hợp như sau:

Bảng 33. Danh sách hạn chế chuyển nhượng chi tiết

STT	Tên cá nhân/Tổ chức	Đối tượng	Số CP nắm giữ	Số CP cam kết nắm giữ trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Số CP cam kết nắm giữ trong 6 tháng tiếp theo	Số CP hạn chế chuyển nhượng tới hết ngày 03/8/2020
1	Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch HĐQT	10.300.440	10.300.440	5.150.220	-
2	Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng BKS	334.080	334.080	167.040	-
3	Triệu Công Trứ	Thành viên BKS	89.920	89.920	44.960	-
4	Nguyễn Văn Bằng	Thành viên BKS	35.120	35.120	17.560	-
5	CTCP Chứng khoán FPT	Cổ đông lớn liên quan tới thành viên BKS	6.480.000	6.480.000	3.240.000	-
6	Lê Văn Quang	Kế toán trưởng	2.040	2.040	1.020	-
7	Bùi Việt Quang	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	5.198.760	5.198.760 (*)	2.939.580 (*)	680.400
8	Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	567.480	567.480 (*)	340.440 (*)	113.400
9	Trần Chí Dũng	Phó Tổng Giám đốc	226.800	226.800 (*)	170.100 (*)	113.400
10	Lê Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính	226.800	226.800 (*)	226.800 (*)	226.800
Tổng cộng			23.461.440	23.461.440 (*)	12.297.720 (*)	453.600

(Nguồn: Công ty cổ phần Máy Sông Hồng)

(*) Số lượng này đã bao gồm phần hạn chế chuyển nhượng ESOP tới hết ngày 3/8/2020.

5. Xếp hạng tín nhiệm

Không có.

6. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến trong phiên giao dịch đầu tiên của cổ phiếu MSH trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh được tính bằng bình quân có trọng số của 2 phương pháp sau:

- Phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF)
- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu / lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu P/E (gọi tắt là phương pháp P/E).

Trong đó:

• Phương pháp chiết khấu dòng tiền

Phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền (DCF) thể hiện giá trị hiện tại (NPV) của dòng tiền dự kiến trong tương lai của công ty, cộng với lượng tiền và tương đương tiền hiện tại của công ty.

Phương pháp chiết khấu dòng tiền gồm 3 phần chính: (1) Xác định dòng tiền tự do FCFE và FCFF, (2) Xác định tỷ lệ chiết khấu và (3) Tính giá trị cuối cùng.

Bước 1: Xác định Dòng tiền tự do:

- Dòng tiền FCFE được tính như sau:

FCFE = Lợi nhuận kế toán + Chi phí phi tiền mặt – Thay đổi vốn lưu động ròng – Đầu tư tài sản dài hạn + Vay nợ ròng

- Dòng tiền FCFF được tính như sau:

FCFF = Lợi nhuận kế toán + Chi phí phi tiền mặt – Thay đổi vốn lưu động ròng – Đầu tư tài sản dài hạn + Chi phí lãi vay * (1 – Thuế thu nhập doanh nghiệp)

Bước 2. Tỷ lệ chiết khấu:

- Chi phí sử dụng vốn bình quân (WACC) được xác định bằng công thức:

$$WACC = w_e \times k_e + w_d \times k_d$$

trong đó:

w_e : tỷ trọng sử dụng vốn cổ phần trên tổng nguồn vốn

w_d : tỷ trọng sử dụng vốn vay trên tổng nguồn vốn

k_d : Chi phí sử dụng vốn vay được xác định bằng chi phí lãi vay bình quân trên các khoản nợ vay của doanh nghiệp.

k_e : chi phí sử dụng vốn cổ phần được xác định bằng công thức

$$k_e = R_f + \beta \times [E(R_m) - R_f]$$

trong đó:

R_f : lãi suất phi rủi ro

$E(R_m)$: rủi ro thị trường

$E(R_m) - R_f$: phần bù rủi ro thị trường

Lãi suất phi rủi ro (R_f)

Lãi suất phi rủi ro được sử dụng là lợi tức trái phiếu chính phủ Việt Nam kỳ hạn 10 năm vào ngày 21/8/2018

Phần bù rủi ro thị trường ($E(R_m) - R_f$)

Phần bù rủi ro thị trường thể hiện phần lợi suất mà nhà đầu tư kỳ vọng nhận được nhiều hơn so với lãi suất phi rủi ro khi tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Chúng tôi sử dụng phần bù rủi ro thị trường là 11.74%, dựa vào kết quả của Giáo sư Aswath Damodaran - đại học New York, công bố ngày 21/8/2018

Hệ số Beta (β)

Hệ số Beta được tính toán dựa vào giá trị Beta trung bình của các doanh nghiệp cùng ngành đã được niêm yết trên sàn chứng khoán.

Bước 3. Giá trị cuối cùng:

Giá trị cuối cùng phản ánh giá trị của doanh nghiệp khi kết thúc giai đoạn dự phóng, với giả định rằng doanh nghiệp tiếp tục hoạt động vào cuối giai đoạn dự báo. Giá trị cuối cùng được tính toán dựa trên tốc độ tăng trưởng mãi mãi của công ty, và triển vọng tăng trưởng của ngành dệt may Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Tốc độ tăng trưởng mãi mãi được áp dụng là 1%.

Thực hiện Định giá cổ phần:

- Phương pháp FCFE:

$$\text{Giá trị VCSH} = \sum_{t=1}^{\infty} \frac{\text{FCFE}_t}{(1 + ke)^t}$$

Giá trị mỗi cổ phần = Giá trị VCSH/Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- Phương pháp FCFE:

$$\text{Giá trị doanh nghiệp} = \sum_{t=1}^{\infty} \frac{\text{FCFF}_t}{(1 + \text{WACC})^t}$$

Giá trị VCSH = Giá trị doanh nghiệp – Giá trị các khoản Nợ + Giá trị tiền và tương đương tiền

Giá trị mỗi cổ phần = Giá trị VCSH/Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Theo đó:

Kỳ dự báo của Công ty là các năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 các năm từ 2018 đến 2022.

Dòng tiền tự do và giá trị thu hồi cuối kỳ dự báo được chiết khấu về thời điểm 30 tháng 9 năm 2018.

Giả định mô hình	Giá trị	Giả định mô hình	Giá trị
WACC 2018	12,63%	Phần bù rủi ro	11,74%
Chi phí sử dụng nợ 2018 (Kd)	6,81%	Hệ số Beta	1,13
CP sử dụng vốn 2018	18,53%	CAGR LNST 2018-2022	4,2%
Lãi suất phi rủi ro kỳ hạn 10 năm	5,30%	Tăng trưởng dài hạn (g)	1%
		Thời gian dự phóng	5 năm

Tổng hợp định giá FCFF		Giá trị
Dự đoán tốc độ tăng trưởng dòng tiền dài hạn		1%
Tổng giá trị hiện tại của dòng tiền doanh nghiệp (triệu VNĐ)		4.331.310
(+) Tiền và đầu tư ngắn hạn (triệu VNĐ)		256.406
(-) Nợ ngắn hạn và dài hạn (triệu VNĐ)		832.327
Giá trị vốn chủ sở hữu (triệu VNĐ)		3.755.389
Số cổ phiếu lưu hành		47.628.000
Giá mục tiêu (VNĐ/cp)		78.848
Tổng hợp định giá FCFE		Giá trị
Giá trị hiện tại của dòng tiền vốn chủ sở hữu (triệu VNĐ)		3.396.939
Số cổ phiếu lưu hành		47.628.000
Giá mục tiêu (VNĐ/cp)		71.322
Giá bình quân theo DCF		VNĐ/cp
		75.085

- **Phương pháp P/E:** Phương pháp này dựa trên giá trị lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu của Công ty và hệ số giá trên lợi nhuận của mỗi cổ phiếu (P/E) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Thị trường Upcom.

$$P = EPS \times P/E_{bq}$$

Trong đó:

P: là giá cổ phiếu của Công ty được định giá

EPS: là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu của công ty trên các số liệu báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2018 của công ty

P/E_{bq}: là hệ số giá/lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu trung bình của nhóm các công ty cùng ngành đang niêm yết hoặc giao dịch.

Qua khảo sát các công ty đang niêm yết, giao dịch trên thị trường chứng khoán, chúng tôi lựa chọn các công ty sau đây hoạt động cùng ngành nghề với Công ty cổ phần May Sông Hồng. Từ đó xem xét tính toán hệ số tương quan dựa trên thu thập kết quả kinh doanh 4 quý gần nhất tính tới 30/9/2018 của Công ty và hệ số giá trên thu nhập (P/E) bình quân của các công ty cùng ngành.

TT	Công ty	Mã chứng khoán	ĐVT	P/E
1	Tổng Công ty cổ phần May Việt Tiến	VGG	Lần	6,90
2	Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ	HTG	Lần	4,28
3	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	TCM	Lần	5,51
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	TNG	Lần	4,90
5	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn	GMC	Lần	9,54
Hệ số so sánh bình quân				6,23

Theo đó:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
1	Lợi nhuận sau thuế 4 quý gần nhất tính đến 30/9/2018	VNĐ	330.017.011.897
2	Tính theo phương pháp bình quân số lượng cổ phiếu đang lưu hành 4 quý gần nhất tới 30/09/2018		
2.1	Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành tính đến 30/9/2018	cổ phiếu	24.337.385
2.2	Thu nhập trên 1 cổ phiếu 4 quý gần nhất	VNĐ/CP	13.560
2.3	Hệ số bình quân P/E ngành	Lần	6,23
2.4	Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp so sánh P/E tính bình quân số lượng cổ phiếu lưu hành	VNĐ/CP	84.456
3	Tính theo phương pháp số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 30/09/2018		
3.1	Số lượng cổ phiếu lưu hành tại ngày 30/9/2018	cổ phiếu	47.628.000
3.2	Thu nhập trên 1 cổ phiếu 4 quý gần nhất	VNĐ/CP	6.929
3.3	Hệ số bình quân P/E ngành	Lần	6,23
3.4	Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp so sánh P/E	VNĐ/CP	43.156

Tổng hợp các phương pháp định giá:

TT	Phương pháp	Giá cổ phiếu
1	Phương pháp DCF	75.085
2	Phương pháp P/E tính theo số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân 4 quý gần nhất	84.456
3	Phương pháp P/E tính theo số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm 30/9/2018	43.156

Dựa vào số liệu tính toán trên, nhằm gia tăng tính thanh khoản của cổ phiếu đồng thời dựa trên quan điểm thận trọng, Công ty quyết định chọn mức giá khởi điểm niêm yết của Công ty trong ngày giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là 45.000 đồng/cổ phiếu.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần May Sông Hồng hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Theo Điều 1 Khoản 2 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau: (i) không hạn chế tỷ lệ (trừ khi Điều lệ công ty có quy định khác), (ii) trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì theo điều ước quốc tế, (iii) nếu hoạt động của công ty thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật có quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó, (iv) nếu công ty hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu của nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%, (v) công ty hoạt động đa ngành nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác. Nghị định 60 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2015.

Theo quy định tại Luật số 03/2016/QH14 về việc sửa đổi bổ sung điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của luật đầu tư, ngành nghề “*Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa*”, “*Vận tải hàng hóa đường bộ*”, “*Kinh doanh bất động sản*” và “*Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu*” mà công ty đăng ký hoạt động là ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Căn cứ các văn bản pháp luật hướng dẫn, Công ty xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài mà Công ty được áp dụng tối đa là 49%. Tại thời điểm ngày 1/10/2018, cổ đông nước ngoài sở hữu 212.000 cổ phần, tương đương với 0,45% vốn điều lệ của Công ty.

8. Các loại thuế có liên quan

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đang chịu các loại thuế theo quy định như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu.

Đối với nhà đầu tư sẽ chịu thuế thu nhập cá nhân khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu.

8.1. Thuế liên quan tới hoạt động của Công ty

a. Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng nội địa của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế GTGT năm 2008 và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất Thuế GTGT mà Công ty phải chịu là 10%.

Thuế VAT hàng nhập khẩu để sản xuất hàng nội địa: tính và nộp theo quy định hiện hành.

b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế TNDN bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

Trong năm 2013 và 2016, Công ty đã lần lượt hoàn thành việc thực hiện đầu tư bổ sung và mở rộng quy mô hoạt động sản xuất ("dự án đầu tư mở rộng") tại nhà máy Sông Hồng 7 và nhà máy Sông Hồng 9. Theo đó, Công ty được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm và miễn 50% thuế TNDN phải nộp trong bốn (4) năm tiếp theo đối với thu nhập tăng thêm từ hai dự án đầu tư mở rộng này theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2013.

Các báo cáo Thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế.

c. Thuế xuất, nhập khẩu

Thuế nhập khẩu: Đối với nguyên vật liệu, máy móc thiết bị nhập khẩu để sản xuất hàng nội địa.

Công ty thực hiện kê khai và nộp theo đúng quy định.

d. Các loại thuế khác

Công ty tuân thủ và nộp theo Luật thuế và các chính sách về thuế hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp như: thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân...

8.2. Thuế liên quan tới nhà đầu tư, cổ đông

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Đối với nhà đầu tư trong nước: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng

điều kiện quy định tại Khoản 4a, Điều 2, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế TNCN và căn cứ Khoản 5, Điều 16, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN là 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

- **Thu nhập từ cổ tức:**

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phần hoặc cổ phần thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

- **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Đối với doanh nghiệp nước ngoài: Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

- **Thu nhập từ cổ tức:**

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 306 Bà Triệu, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3556 2875

Fax: (024) 39741760

2. Tổ chức kiểm toán

• **CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)**

Địa chỉ: Tầng 18, Tháp Quốc tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 3850 1686

Website: <https://www.grantthornton.com.vn>

• **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Địa chỉ: Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 đường Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024 3577 0781

Website: vaco.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I

Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

2. Phụ lục II

Bản sao Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

3. Phụ lục III

Giới thiệu các văn bản pháp luật.

4. Phụ lục IV

Bản sao Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 và 2017;

Báo cáo tài chính Quý III/năm 2018.

5. Các phụ lục khác

Nam Định, ngày tháng năm 2018

TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Đức Khánh

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Việt Quang

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Thị Hạnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Văn Quang

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC *mv*



CHU MẠNH HIỀN